

Số /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án “Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk”

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 24/12/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến 2030;

Xét đề nghị của Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh tại Tờ trình số 94/TTr-VPĐP ngày 19/4/2022; Công văn số 161/VPĐP-KHTH ngày 09/06/2022 của Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án thực hiện “Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk”.

Điều 2. Giao Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Chương trình theo quy định. Định kỳ hàng quý có báo cáo gửi về Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công thương, Khoa học và Công nghệ, Y tế, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông, Nội vụ, Giao thông vận tải; Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các phòng: TH, NNMT;
- Lưu: VT, NNMT(Đg-8b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Y Giang Gry Niê K nông

ĐỀ ÁN CHƯƠNG TRÌNH
MỖI XÃ MỘT SẢN PHẨM (OCOP) GIAI ĐOẠN 2021-2025
VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN 2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày /7/2022 của UBND tỉnh)

THÔNG TIN CHUNG

1. Tên Đề án: “Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk”

2. Cơ quan chủ trì thực hiện: Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh (gọi tắt là Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh).

3. Phạm vi và địa bàn thực hiện:

- Phạm vi không gian: triển khai trên toàn bộ các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Phạm vi thời gian: thực hiện từ năm 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

4. Giải nghĩa: “Mỗi xã một sản phẩm”

- Mỗi xã một sản phẩm: có tên tiếng Anh “One Commune One Product”, viết tắt là “OCOP”.

- Khái niệm “Mỗi xã” không hạn chế trong phạm vi hành chính của một xã mà có thể là nhiều xã, phường, thị trấn.

- Khái niệm “Mỗi xã một sản phẩm” không đồng nghĩa với nội dung “Mỗi xã chỉ được có 1 sản phẩm”, mỗi xã có thể có nhiều sản phẩm, một sản phẩm có thể sản xuất từ địa bàn nhiều xã. Khái niệm “Mỗi xã một sản phẩm” chỉ mang ý nghĩa khuyến khích tất cả các xã phát triển các đặc sản của địa phương để hoàn thiện sản phẩm. Chương trình OCOP không bắt buộc mỗi xã phải có 1 sản phẩm OCOP.

- Sản phẩm: sản phẩm hàng hoá¹ và sản phẩm dịch vụ² (theo 6 nhóm, ngành):

+ Ngành thực phẩm, gồm nhóm: thực phẩm tươi sống; thực phẩm thô, sơ chế; thực phẩm chế biến; gia vị; chè; cà phê, ca cao.

¹ Sản phẩm hàng hóa trong OCOP có nguồn gốc địa phương, mang đặc trưng về giá trị văn hóa, lợi thế của địa phương, đặc biệt là các sản phẩm đặc sản vùng miền, sản phẩm làng nghề, sản phẩm dựa trên các thế mạnh, lợi thế về điều kiện tự nhiên, nguồn nguyên liệu, tri thức và văn hóa bản địa của từng địa phương.

² Sản phẩm dịch vụ là các dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điểm du lịch, dựa trên các lợi thế, thế mạnh về điều kiện tự nhiên, cảnh quan và văn hóa vùng miền của mỗi địa phương.

- + Ngành đồ uống, gồm nhóm: đồ uống có cồn; đồ uống không cồn.
- + Ngành thảo dược, gồm nhóm: thực phẩm chức năng, thuốc từ dược liệu, thuốc Y học cổ truyền; mỹ phẩm; trang thiết bị, dụng cụ y tế; thảo dược khác.
- + Ngành thủ công mỹ nghệ, trang trí, gồm nhóm: Thủ công mỹ nghệ, trang trí; thủ công mỹ nghệ gia dụng.
- + Ngành vải và may mặc, gồm: các sản phẩm làm từ bông, sợi.
- + Ngành Dịch vụ du lịch nông thôn và bán hàng, gồm nhóm: dịch vụ Du lịch cộng đồng và điểm du lịch.

Phần I

SỰ CẦN THIẾT, CĂN CỨ, PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN

I. SỰ CẦN THIẾT

Mỗi xã một sản phẩm là chương trình phát triển kinh tế khu vực nông thôn được Chính phủ Việt Nam phê duyệt tại Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 07/5/2018, chương trình được tổ chức thực hiện bởi hệ thống quản lý và điều hành từ Trung ương tới địa phương (tỉnh, huyện, xã). Chương trình có sự tham gia của toàn xã hội dựa trên kinh nghiệm của phong trào OVOP thực hiện đầu tiên tại Nhật Bản, khởi xướng năm 1979 đến nay đã phát triển trên toàn thế giới với nhiều tên gọi khác nhau nhưng đều hướng đến cải thiện kinh tế, xã hội vùng nông thôn một cách hiệu quả và bền vững.

Chương trình Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2018-2020, đã có những bước đi căn bản, định hình rõ hơn về giải pháp phát triển kinh tế khu vực nông thôn. Thực tế chứng minh, nguồn lực tại địa phương/cộng đồng (tri thức, văn hóa truyền thống, tài nguyên thiên nhiên, đặc sản vùng/miền/địa phương,...) là rất lớn, tuy nhiên Đắk Lắk cần tận dụng triệt để hơn nữa, phát huy hết các giá trị này để trở thành sản phẩm hàng hóa, dịch vụ cung ứng cho thị trường. Biến cố dịch COVID-19 đã làm đảo chiều toàn bộ chuỗi cung ứng toàn cầu, tác động lớn đến nền kinh tế Thế giới, Việt Nam và tỉnh Đắk Lắk, do đó nền tảng của phát triển kinh tế cần phát triển cân bằng giữa sản xuất, thương mại và dịch vụ là điều cấp thiết hiện nay. Xu hướng tiêu dùng trong những năm gần đây đã có sự thay đổi lớn (phương thức/cách thức, hành vi), người tiêu dùng cần nhiều hơn các giá trị đem lại từ sản phẩm, vì vậy tỉnh Đắk Lắk cần phát huy hết các giá trị nội lực sẵn có để đáp ứng xu hướng này.

Bối cảnh nền kinh tế hội nhập toàn cầu hóa, các chủ thể kinh tế đứng trước thách thức cần thay đổi để hội nhập và phát triển “từ tư duy định hướng sản xuất sáng tạo sản phẩm định hướng theo thị trường”. Tỉnh Đắk Lắk nói riêng và Việt Nam nói chung, ở khu vực nông thôn kinh tế hộ đang là chủ đạo, với tính chất quy mô nhỏ/lẻ, cạnh tranh yếu, đồng bộ về quản lý và chất lượng sản phẩm còn hạn chế. Do vậy, cần tập trung hất huy thế mạnh địa phương, tận dụng, khơi dậy sáng tạo trong nhân dân, hình thành các vùng/tiểu vùng kinh tế liên kết tập

trung, dựa trên nền tảng sản xuất hiện có, tạo ra vùng sản xuất quy mô vừa và lớn. Đồng thời, phục hồi, duy trì, phát triển ngành nghề - văn hóa truyền thống giàu bản sắc tạo ra sản phẩm OCOP gắn với du lịch theo hướng “Nền du lịch thứ ba³”.

Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 24/12/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến 2030, đặt ra 06 mục tiêu và 12 giải pháp trong xây dựng nông thôn mới. Cụ thể đối với Chương trình OCOP, “triển khai thực hiện có hiệu quả và sâu rộng Chương trình OCOP theo hướng phát triển nội sinh và gia tăng giá trị; triển khai tốt các hoạt động hỗ trợ xây dựng sản phẩm, chứng nhận sản phẩm, xúc tiến thương mại, liên kết, kết nối cung – cầu sản phẩm OCOP giữa các chủ thể, các nhà phân phối trong và ngoài tỉnh, xây dựng hệ thống giám sát, quản lý sản phẩm OCOP”

Trên cơ sở nhìn nhận tính phù hợp và hiệu quả mong đợi từ chương trình OCOP, tỉnh Đắk Lắk xây dựng Đề án “Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk” dựa trên hướng dẫn triển khai Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, vận dụng linh hoạt, sáng tạo từ các bài học, kinh nghiệm ở Việt Nam và Quốc tế.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Văn bản Trung ương

- Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

- Kết luận số 70-KL/TW ngày 09/3/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể;

- Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 04/8/2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

- Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

- Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích Doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

- Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ quy định về khuyến nông;

- Thông tư số 08/2019/TT-BTC ngày 30/01/2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 43/2017/tt-btc ngày 12 tháng 5 năm 2017

³ “Nền du lịch thứ 3”: Dựa vào tài nguyên sẵn có tại cộng đồng, phát triển loại hình du lịch sinh thái trải nghiệm (ví dụ: dịch vụ trải nghiệm cùng ăn, cùng ở, cùng lao động/sản xuất,...)

của bộ tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;

- Thông tư số 124/2021/TT-BTC ngày 30/12/2021 của Bộ Tài chính về hướng dẫn cơ chế tài chính, quản lý, sử dụng kinh phí Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 – 2025;

- Quyết định số 1048/QĐ-TTg ngày 21/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Bộ tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm; Quyết định số 781/QĐ-TTg ngày 08/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số phụ lục Quyết định số 1048/QĐ-TTg ngày 21/8/2019 về việc Ban hành Bộ tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm;

- Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030;

- Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23/6/2020 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020-2030;

- Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 1881/QĐ-TTg ngày 20/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Khuyến công quốc gia giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 340/QĐ-TTg ngày 12/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển kinh tế tập thể, Hợp tác xã giai đoạn 2021-2030;

- Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-20230, tầm nhìn đến 2050.

- Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

2. Văn bản địa phương

- Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 14/10/2016 của Tỉnh ủy Đắk Lắk về tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

- Nghị quyết số 13-NQ/TU, ngày 17/3/2020 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển kinh tế tập thể;

- Nghị quyết số 01-NQ/ĐH, ngày 02/11/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025;

- Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 02/4/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030;
- Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 24/12/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến 2030;
- Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND, ngày 10/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;
- Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh Quy định về việc hỗ trợ Doanh nghiệp đầu tư và nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;
- Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh về một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2021-2025;
- Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng tại các thôn, buôn đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2021-2025;
- Quyết định số 743/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của UBND tỉnh về phê duyệt Danh mục các ngành hàng, sản phẩm quan trọng, chủ lực cần khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Đắk Lắk;
- Quyết định số 1199/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt Chiến lược phát triển chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045;
- Quyết định số 1491/QĐ-UBND ngày 17/6/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Chương trình khuyến công tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025;
- Quyết định số 2789/QĐ-UBND ngày 08/10/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt Chương trình Khuyến nông và phát triển giống cây trồng, vật nuôi và Thủy sản giai đoạn 2021-2025;
- Quyết định số 2939/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án phát triển du lịch sinh thái nông nghiệp gắn với xây dựng NTM đến năm 2025, định hướng đến năm 2035;
- Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của HĐND tỉnh về việc hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 - 2025;
- Kết luận số 467-KL/TU, ngày 22/12/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU của Tỉnh ủy về tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 24/12/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến 2030;

- Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh về ban hành Quy định một số nội dung và mức chi hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

- Quyết định số 578/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án xây dựng trung tâm, điểm giới thiệu và bán sản phẩm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOPP trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030.

- Quyết định số 1204/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề cương - Dự toán Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN

1. Phạm vi

- Không gian: triển khai trên toàn bộ các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Thời gian: thực hiện từ năm 2021 - 2025, có định hướng đến năm 2030.

2. Đối tượng

a) Sản phẩm: Sản phẩm tham gia Chương trình OCOP là các sản phẩm hàng hóa và sản phẩm dịch vụ, cụ thể:

- Sản phẩm hàng hóa có nguồn gốc địa phương, mang đặc trưng về giá trị văn hóa, lợi thế của địa phương, đặc biệt là các sản phẩm đặc sản vùng miền, sản phẩm làng nghề, sản phẩm dựa trên các thế mạnh, lợi thế về điều kiện tự nhiên, nguồn nguyên liệu, tri thức và văn hóa bản địa của từng địa phương.

- Sản phẩm dịch vụ là các dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điểm du lịch, dựa trên các lợi thế, thế mạnh về điều kiện tự nhiên, cảnh quan và văn hóa vùng miền của mỗi địa phương.

b) Chủ thể thực hiện: Các hợp tác xã (HTX), tổ hợp tác, doanh nghiệp, trang trại và hộ sản xuất có đăng ký kinh doanh. Đối với nhóm sản phẩm dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điểm du lịch ngoài các đối tượng trên có thể bao gồm các Hiệp hội, Trung tâm điều hành hoặc tổ chức tương đương.

3. Nguyên tắc thực hiện

Đảm bảo các nguyên tắc chung của Chương trình OCOP:

1) Hành động địa phương hướng đến toàn cầu: nghĩa là các sản phẩm OCOP phải hướng đến thị trường toàn cầu hóa hiện nay, có thể cạnh tranh tại thị trường trong nước và xuất khẩu. Để gia nhập vào thị trường toàn cầu hóa, các sản phẩm cần được cải tiến, thiết kế lại cho phù hợp thị hiếu của người tiêu

dùng; cần đáp ứng các tiêu chuẩn/yêu cầu và vượt qua được các hàng rào kỹ thuật của thị trường đích, như truy xuất nguồn gốc, tiêu chuẩn chất lượng, trách nhiệm,... (Organic, Fairtrade,...) khi muốn xuất khẩu. Để làm điều này, cần thay đổi hình thức tổ chức sản xuất, trong đó tập trung vào hình thành (nếu chưa có), tái cơ cấu (nếu đã có) và hỗ trợ các chủ thể kinh tế tại cộng đồng (HTX, các doanh nghiệp nhỏ và vừa-SMEs) hơn là các cá nhân, hộ gia đình đơn lẻ, để có pháp nhân, từ đó công bố tiêu chuẩn chất lượng và có nguồn lực nhiều hơn để tổ chức sản xuất ở qui mô lớn hơn, ứng dụng được các công nghệ mới trong sản xuất và kinh doanh.

2) Tự lực, tự tin và sáng tạo: nghĩa là người dân tham gia OCOP với niềm tin mình có thể phát triển, sản xuất và thương mại hóa sản phẩm lợi thế của mình; triển khai bằng nguồn lực sẵn có của mình, dưới các dạng vốn đa dạng (như tiền, đất đai, sức lao động, (bí quyết) công nghệ truyền thống), văn hóa, cảnh quan địa phương; liên tục sáng tạo và cải tiến sản phẩm/dịch vụ của mình nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường. Để làm điều này, Nhà nước kiến tạo môi trường sáng tạo cho người dân thông qua triển khai Chu trình OCOP, trong đó khởi đầu từ việc người dân đề xuất ý tưởng sản phẩm, triển khai sản xuất, kinh doanh sản phẩm của mình bằng vốn chủ trước, có đánh giá và phân hạng sản phẩm, từ đó người dân xác định được các điểm còn yếu của sản phẩm để cải tiến và tiếp tục dự cuộc thi đánh giá và phân hạng tiếp theo. Để người dân tự tin hơn, Nhà nước tổ chức đào tạo/huấn luyện cho người dân về các kiến thức, kỹ năng của sản xuất, quản trị kinh doanh, kết nối các nguồn lực,...

3) Đào tạo nguồn nhân lực: nghĩa là đào tạo, huấn luyện thường xuyên, liên tục có hiệu quả đối với đội ngũ lãnh đạo, quản lý của các chủ thể kinh tế của cộng đồng tham gia OCOP, từ đó hình thành đội ngũ doanh nhân mới tại vùng nông thôn. Hình thành một ngành đào tạo mới, song song với đào tạo "trình độ cao" ở các trường đại học và cao đẳng, cho các lãnh đạo, quản lý và nhân viên chủ chốt của các chủ thể kinh tế tại cộng đồng tham gia OCOP. Các chương trình đào tạo/huấn luyện được thiết kế riêng cho đối tượng có trình độ học vấn thấp hơn, thiết thực hơn và có phần thực hành bám sát các tình huống thực tiễn vận hành sản xuất kinh doanh các chủ thể kinh tế tại cộng đồng.

Các nguyên tắc này được tích hợp trong Chu trình OCOP thường niên và tại các giải pháp thực hiện Chương trình.

Phần II

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN “CHƯƠNG TRÌNH MỖI XÃ MỘT SẢN PHẨM (OCOP) GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN 2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK”

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

Quan điểm xuyên suốt triển khai Chương trình: (1) Nhà nước đóng vai trò là môi trường kiến tạo; (2) Người dân là chủ thể thực hiện chính; (3) Các đối tác OCOP đồng hành cùng phát triển. Một số nội dung chính:

- Coi OCOP là giải pháp quan trọng phát triển kinh tế xã hội, trọng tâm là khu vực nông thôn.

- Chương trình OCOP phải đặt trong tổng thể nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội gắn với chương trình nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

- Triển khai Chương trình OCOP là trách nhiệm của cả xã hội và cộng đồng người dân, địa bàn cấp xã đóng vai trò thường xuyên, trực tiếp.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát huy tiềm năng thế mạnh của các địa phương, sức sáng tạo của người dân nhằm tạo ra sản phẩm hàng hóa có chất lượng tốt, đạt các tiêu chuẩn theo quy định; kiểu dáng bao bì thuận tiện, hiện đại, phù hợp, có truy xuất nguồn gốc rõ ràng; hình thành các chuỗi giá trị sản phẩm trọng tâm là các sản phẩm chủ lực cấp huyện, tỉnh, quốc gia để vươn ra thị trường trong và ngoài nước.

2. Mục tiêu cụ thể

a. Phát triển sản phẩm

- Sản phẩm đạt sao OCOP giai đoạn 2018-2020: tập trung củng cố, nâng cao (chất lượng, truy xuất nguồn gốc, tiêu chuẩn tiên tiến, liên kết chuỗi, thương hiệu, bán hàng,...) duy trì ổn định trên 85% số sản phẩm OCOP, phấn đấu có ít nhất 01 sản phẩm đạt 5 sao cấp quốc gia.

- Sản phẩm tham gia giai đoạn 2021-2025: phát triển ít nhất 200 sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP từ 3 sao, cụ thể:

- + Sản phẩm đã có: nâng cấp, chuẩn hóa, hoàn thiện đạt ít nhất 150 sản phẩm đạt từ 3 sao OCOP cấp tỉnh, có ít nhất 02 sản phẩm đạt 5 sao OCOP quốc gia.

- + Sản phẩm mới: khuyến khích các sản phẩm có nguồn nguyên liệu rõ ràng, ổn định tham gia OCOP, ít nhất có 50 sản phẩm từ 3 sao OCOP cấp tỉnh.

- Định hướng đến năm 2030 phát triển tối thiểu đạt 300 sản phẩm OCOP.

b. Phát triển chủ thể kinh tế OCOP: củng cố, phát triển các chủ thể kinh tế tham gia OCOP Đắc Lắc (Doanh nghiệp, HTX, THT, hộ sản xuất - kinh doanh có đăng ký kinh doanh). Có ít nhất 150 chủ thể kinh tế tham gia OCOP, trong đó hình thành và phát triển mới ít nhất 50 tổ chức.

c. Xúc tiến thương mại: hình thành hệ thống xúc tiến và quảng bá sản phẩm OCOP Đắc Lắc. Ứng dụng công nghệ 4.0 trong phát triển thương hiệu, trong phân phối, tiếp thị sản phẩm, qua đó nâng cao doanh số bán hàng OCOP của các chủ thể kinh tế từ 20%.

d. Phát triển nguồn nhân lực: nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho đội ngũ cán bộ nhà nước trong hệ thống OCOP (tỉnh, huyện, xã) tối thiểu 01 đợt/năm và lãnh đạo các chủ thể kinh tế tham gia chương trình OCOP tối thiểu 03 đợt/năm.

e. Hình thành, triển khai ít nhất 24 Dự án/sản phẩm chủ lực theo hướng liên kết trong sản xuất, chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị (bao gồm cả sản xuất và dịch vụ).

III. CÁC CHỦ ĐỀ TRỌNG TÂM THEO NĂM

- **Năm 2022:** ứng dụng khoa học kỹ thuật, nguồn lực cho OCOP và bán hàng

Xây dựng các dự án thành phần của Đề án, tập trung nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học kỹ thuật mới phát triển sản phẩm mới và nâng cấp sản phẩm đã hiện có (các sản phẩm OCOP giai đoạn 1 phần lớn là sản phẩm thô, sơ chế).

Khắc phục tồn tại ở giai đoạn 2018-2020, giai đoạn 2021-2025 cần có quy định, hướng dẫn cụ thể các nội dung triển khai OCOP trên địa bàn tỉnh. Trước thời điểm chính sách/văn bản hướng dẫn cho OCOP có hiệu lực, vận dụng chính sách hiện hành áp dụng trên địa bàn tỉnh.

Rà soát, giám sát, đánh giá tác động từ OCOP đối với các cơ sở/sản phẩm giai đoạn 1, từ đó có giải pháp căn bản đối với giai đoạn tiếp theo (củng cố phát triển, xác định các sản phẩm điểm có biện pháp tác động trở thành sản phẩm OCOP cấp quốc gia).

- **Năm 2023:** Củng cố chủ thể kinh tế, phát triển sản phẩm theo chuỗi gắn với tiêu thụ và du lịch cộng đồng.

Tập trung củng cố, nâng cao năng lực tổ chức, vận hành (chuẩn hóa quy trình sản xuất, nhà xưởng, năng lực quản trị, xây dựng thương hiệu,...).

Cơ quan quản lý nhà nước dựa trên quy định hiện hành thực hiện hỗ trợ, hướng dẫn, quản lý, giám sát thực hiện hoạt động của chủ thể kinh tế theo thẩm quyền quy định.

- Đối với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất đăng ký kinh doanh tuân thủ theo luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc Hội và các văn bản dưới Luật.

- Đối với Hợp tác xã tuân thủ theo Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012 của Quốc Hội và các văn bản dưới Luật.

- Đối với Tổ hợp tác tuân thủ theo Nghị định 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 và các văn bản hiện hành khác.

- Các quy định hiện hành áp dụng phù hợp khác của trung ương và địa phương.

Nguyên tắc: Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, hợp tác xã, tổ hợp tác vận hành tuân thủ đúng theo quy định của nhà nước, tuy nhiên cần vận dụng linh hoạt phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương và chủ thể kinh tế tham gia OCOP.

- **Năm 2024:** sản phẩm đạt tiêu chuẩn từ cơ bản đến tiên tiến và truy xuất nguồn gốc chất lượng.

Sản phẩm tham gia OCOP được hoàn thiện, chuẩn hóa đáp ứng đầy đủ quy định của nhà nước khi lưu thông hàng hóa, đồng thời đáp ứng yêu cầu/nhu cầu của thị trường đích.

- Tập trung chuẩn hóa sản phẩm đạt các tiêu chuẩn tiên tiến được công nhận tại Việt Nam và Quốc tế (nguyên liệu, nhà xưởng sản xuất, sản phẩm,...), sản phẩm đạt chứng nhận từ 3 sao OCOP từng bước hướng tới thị trường toàn cầu theo nguyên tắc của OCOP⁴.

- Từng bước thực hiện đúng bản chất của truy xuất nguồn gốc: Thứ nhất, có thông tin về chuỗi liên kết giá trị sản phẩm (quá trình hình thành và lưu hành sản phẩm); Thứ hai, thông tin của sản phẩm khi truy xuất phải đồng nhất hồ sơ công bố lưu hành; Thứ ba, cần có chuẩn hóa, kiểm tra, giám sát của bên thứ ba trong toàn bộ chuỗi quá trình tạo ra sản phẩm đó; Thứ tư, cần có nhật ký điện tử về toàn bộ quá trình hình thành ra sản phẩm.

- **Năm 2025:** tăng cường ứng dụng giải pháp số (công nghệ 4.0) trong sản xuất, thương mại sản phẩm.

Cần tạo môi trường chuỗi, khi đó tận dụng và phát huy tối đa thế mạnh của các bên trong môi trường chuỗi đó, đảm bảo rằng sản phẩm được tạo ra đến tay người tiêu dùng cuối được vận hành theo chuỗi khép kín.

- Định hình sản phẩm chủ lực cấp tỉnh, huyện vận hành theo mô hình chuỗi, từ đó mở rộng quy mô sản xuất đáp ứng thị trường quy mô rộng và xuất khẩu.

- Đẩy mạnh thương mại điện tử, trên các nền tảng công nghệ hiện nay: Mạng xã hội (Facebook, Tik tok, Zalo, Twitter,...); gian hàng thương mại điện tử (Lazada, Shopee, Sendo, Voso, Amazon, Alibaba,...),... bản thân các chủ thể kinh tế cần chủ động và nâng cao năng lực thích ứng với xu hướng bán hàng hiện đại.

- **Giai đoạn 2026-2030:**

+ Tiếp tục xây dựng Đề án Chương trình OCOP tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026-2030;

+ Tăng cường hoạt động giám sát, đánh giá sản phẩm OCOP: Đối với cơ quan quản lý các cấp cần tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất (giám sát dọc); đối với chủ thể kinh tế: nâng cao ý thức, trách nhiệm,

⁴ Nguyên tắc Chương trình OCOP (QĐ 490/QĐ-TTg): 1) Sản phẩm hướng tới tiêu chuẩn chất lượng Quốc tế; Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

chịu trách nhiệm với chính sản phẩm của mình, phát huy vai trò giám sát cộng đồng (giám sát ngang/chéo).

+ Phát triển thương hiệu các sản phẩm OCOP Đắc Lắc cả chiều rộng và chiều sâu, có chiến lược tiếp cận thị trường đặc biệt là thị trường Quốc tế đối với các nhóm sản phẩm chủ lực của tỉnh.

IV. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ THỰC HIỆN

1. Khởi động Đề án OCOP

1.1. Khởi động Đề án OCOP giai đoạn 2021-2025

a) Mục tiêu

Hàng năm tổ chức 01 Hội nghị OCOP cấp tỉnh, có sự tham gia của thường trực tỉnh ủy, UBND tỉnh, các huyện; các Sở, ngành, phòng ban liên quan cấp tỉnh, huyện, chủ thể kinh tế trên địa bàn.

b) Nội dung

- + Xây dựng Kế hoạch triển khai hàng năm.
- + Tổ chức 01 sự kiện/năm khởi động Đề án OCOP.

c) Thành phần dự kiến: thường trực tỉnh ủy, lãnh đạo UBND tỉnh, huyện; các Sở, ngành, phòng ban liên quan cấp tỉnh, huyện, chủ thể kinh tế trên địa bàn.

d) Thời gian, kinh phí, cơ quan thực hiện

- Thời gian: năm 2022-2025.
- Kinh phí: 664,4 triệu đồng.
- Cơ quan thực hiện:
- + Chủ trì: UBND tỉnh (Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh, tham mưu).
- + Phối hợp: các Sở, ngành, tổ chức đoàn thể, chính trị xã hội, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

1.2. Hội nghị chuyên đề OCOP các cấp

a) Mục tiêu

Tổ chức 01 sự kiện/năm tại các cấp (tỉnh, huyện, thị xã, thành phố, xã), hệ thống tổ chức OCOP các cấp thống nhất hoạt động triển khai.

b) Nội dung

- Xây dựng Kế hoạch triển khai hàng năm.
- Tổ chức 01 sự kiện/năm khởi động Đề án tại các huyện, thị xã, thành phố, các xã, thị trấn.

c) Thành phần dự kiến

- Cấp tỉnh: Lãnh đạo các Sở, ngành, các tổ chức sự nghiệp,...

- Cấp huyện: Lãnh đạo UBND, các phòng ban chuyên môn huyện; lãnh đạo UBND, cán bộ phụ trách OCOP xã; các chủ thể kinh tế trên địa bàn.

d) Thời gian, kinh phí, cơ quan thực hiện

- Thời gian: năm 2022-2025 (tổ chức hàng năm).

- Kinh phí: 1.578 triệu đồng.

- Cơ quan thực hiện:

+ Chủ trì: Ủy ban nhân huyện, thị xã, thành phố (Phòng Nông nghiệp và PTNT/Phòng Kinh tế tham mưu).

+ Phối hợp: Các phòng ban liên quan, UBND các xã, phường, thị trấn.

2. Hoàn thiện hệ thống tổ chức OCOP Đắc Lắc

2.1. Rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy điều hành, triển khai Chương trình OCOP các cấp

a) Nội dung

Rà soát hệ thống bộ máy điều hành, vận hành Chương trình OCOP từ cấp tỉnh đến xã, bố trí, sắp xếp nhân sự, xây dựng quy chế, mô tả công việc cụ thể trong OCOP.

b) Thời gian, kinh phí, cơ quan thực hiện

- Thời gian: năm 2022 (có thể rà soát, điều chỉnh hàng năm)

- Kinh phí: không (sử dụng kinh phí hoạt động thường xuyên).

- Cơ quan thực hiện:

+ Chủ trì:

* Tại cấp tỉnh: Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh, các Sở, ngành có nhiệm vụ liên quan.

* Tại cấp huyện: UBND các huyện, thị xã, thành phố.

* Cấp xã: Chủ tịch UBND xã phân công nhiệm vụ.

+ Phối hợp: các cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn tỉnh.

2.2. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu/phần mềm quản lý chương trình

a) Nội dung

- Hình thành 01 hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu, đánh giá, phân hạng, quản lý, giám sát và quảng bá sản phẩm OCOP thông qua nền tảng Website OCOP tỉnh và Website OCOP các huyện, thị xã, thành phố.

- Hình thành 01 hệ thống dữ liệu số trên nền tảng công nghệ Webs - GIS (GIS: Hệ thống thông tin địa lý) phục vụ xây dựng, quản lý mã vùng trồng/mã xưởng, quản lý nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý.

- Hàng năm có hoạt động số hóa, quản lý cơ sở dữ liệu OCOP đồng bộ ở các cấp.

b) Thời gian, kinh phí, cơ quan thực hiện

- Thời gian: năm 2022-2025

- Kinh phí: 600 triệu đồng.

- Cơ quan thực hiện: Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh.

3. Xây dựng chính sách áp dụng triển khai Chương trình OCOP Đắc Lắc giai đoạn 2022-2025

Ban hành quy định, hướng dẫn về triển khai Chương trình OCOP hoặc lồng ghép trong chính sách chung của tỉnh đối với chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, đối tượng hưởng thụ là chủ thể kinh tế tham gia chương trình OCOP (bao gồm các tổ chức, hộ gia đình tham gia sản xuất, kinh doanh, xúc tiến sản phẩm OCOP).

a) Nội dung, giải pháp

- Nội dung:

+ Thu thập các văn bản chính sách hiện hành thuộc các lĩnh vực: Nông - lâm nghiệp, thủy sản, ngành nghề nông thôn; dịch vụ du lịch, xúc tiến thương mại trong tỉnh và Trung ương;

+ Tổ chức lấy ý kiến góp ý hoàn thiện chính sách bằng văn bản và hội thảo, đối tượng tham gia là đa ngành.

+ Hoàn thiện chính sách và các thủ tục cần thiết để ban hành chính sách theo quy định.

- Giải pháp:

+ Hỗ trợ hộ kinh doanh cá thể thành lập doanh nghiệp (theo Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa), từ đó tạo điều kiện để đưa thêm các biện pháp khác nhằm hỗ trợ phát triển sản xuất, nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm.

+ Hỗ trợ các cơ sở sản xuất có sản phẩm được công nhận OCOP cấp tỉnh từ 03 sao trở lên: Tham gia các lớp đào tạo về nâng cao năng lực quản lý, tổ chức sản xuất...; hỗ trợ ứng dụng công nghệ, tiến bộ KH-CN, hoạt động đổi mới sáng tạo, các biện pháp, quy trình nâng cao năng suất chất lượng,... được thực hiện lồng ghép trong các Chương trình, chính sách hỗ trợ của tỉnh thuộc các ngành, lĩnh vực để nâng cao thứ hạng của sản phẩm.

b) Nguyên tắc: Chính sách Chương trình OCOP không tách rời các quy định hiện hành đối với phát triển kinh tế xã hội chung của tỉnh và Trung ương, chỉ vận dụng và ban hành một số nội dung đặc thù liên quan đến OCOP.

c) Thời gian, kinh phí, cơ quan thực hiện

- Thời gian: năm 2022.

- Kinh phí: không - sử dụng kinh phí từ hoạt động thường xuyên.

- Cơ quan thực hiện:

+ Chủ trì: Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết hỗ trợ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và OCOP.

+ Phối hợp: các Sở, ngành, tổ chức đoàn thể, chính trị xã hội, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

4. Hình thành mạng lưới đối tác OCOP và kết nối nguồn lực

a) Đối tượng

Hệ thống đối tác OCOP bao gồm các tổ chức/cá nhân có quan hệ với các chủ thể OCOP theo cách hợp tác cùng có lợi ích, bao gồm:

- Các doanh nghiệp trong chuỗi SX-KD sản phẩm OCOP, gồm: (i) Cung ứng dịch vụ/vật tư đầu vào, nghiên cứu phát triển KHCN, dịch vụ hỗ trợ (thiết kế bao bì, nhãn mác, đăng ký/công bố sản phẩm, tư vấn luật, quản lý sản xuất bằng hệ thống tem điện tử thông minh,...); (ii) chế biến nông lâm sản; (iii) các nhà bán lẻ; (iv) các nhà đầu tư hệ thống trung tâm OCOP. Các doanh nghiệp này liên kết với các SMEs, HTX OCOP theo hợp đồng nhằm cung ứng vật tư/dịch vụ đầu vào và kéo dài chuỗi giá trị các sản phẩm OCOP đến thị trường đích.

- Các viện, trường đại học, nhà khoa học trong lĩnh vực ngành hàng của OCOP ở các tổ chức KHCN trung ương, vùng và địa phương: Liên kết với các SMEs, HTX OCOP theo các hợp đồng nghiên cứu ứng dụng, nghiên cứu triển khai, nhằm nghiên cứu phát triển sản phẩm mới hoặc nâng cấp sản phẩm đang có, xây dựng tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, ứng dụng công nghệ mới, cải tiến quy trình sản xuất,... theo hình thức hợp đồng trực tiếp với các SMEs, HTX OCOP hoặc thông qua các đề tài/Dự án KHCN.

- Các tổ chức/doanh nghiệp quảng bá, xúc tiến thương mại sản phẩm, đại phát thanh, truyền hình ở trung ương và địa phương: tham gia quảng bá, xúc tiến thương mại các sản phẩm OCOP theo hợp đồng.

- Các ngân hàng, các quỹ đầu tư: cho vay vốn hoặc đầu tư mạo hiểm theo thỏa thuận với các tổ chức OCOP.

- Các tổ chức quốc tế tại Việt Nam tập trung vào tổ chức JICA (Nhật Bản), Tổ chức phát triển Hà Lan (SNV), Tổ chức: Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), Quỹ phát triển nông nghiệp quốc tế (IFAD),...: tham gia vào các lĩnh vực quan tâm của mình dưới các dạng tài trợ, hỗ trợ kỹ thuật, nhân lực, kết nối thị trường, nguồn chuyên gia,... cho/với các HTX, SMEs OCOP.

- Các nhà báo: tuyên truyền về OCOP đến cộng đồng; đưa tin, chia sẻ các điển hình thành công, bài học kinh nghiệm thành công và thất bại để cộng đồng học hỏi.

b) Nội dung, yêu cầu

Hình thành mạng lưới đối tác OCOP (có thể là các hội/Hiệp hội), tạo ra “hệ sinh thái OCOP Đắc Lắc” nhằm tổ chức các sự kiện kết nối, trao đổi (hội nghị,

hội thảo, diễn đàn,...), thực hiện các hoạt động kết nối chủ thể OCOP (cấp địa phương, quốc gia, quốc tế); kết nối các hệ thống phân phối (toàn quốc và quốc tế); kết nối các tour du lịch; kết nối các chuyên gia về phát triển sản phẩm, phát triển cộng đồng; kết nối các nguồn lực địa phương, trung ương cho hoạt động sáng tạo, phát triển sản phẩm.

c) Thời gian, kinh phí, cơ quan thực hiện

- Thời gian: năm 2022-2025

- Kinh phí: 2.249,4 triệu đồng.

- Cơ quan thực hiện:

+ Chủ trì: Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh; Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Công Thương.

+ Phối hợp: các Sở, ngành, tổ chức đoàn thể, chính trị xã hội, chủ thể kinh tế, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

5. Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực thực hiện OCOP

a) Yêu cầu

Nâng cao năng lực cho các đối tượng là cán bộ quản lý vận hành chương trình các cấp (tỉnh, huyện, xã); Chủ doanh nghiệp, hợp tác xã, cán bộ kinh doanh, kế toán (SMEs, HTX,...); lao động trực tiếp tại các chủ thể kinh tế các vấn đề về quản lý, sản xuất và kinh doanh,...

b) Đối tượng đào tạo

- Nhà quản lý, cán bộ vận hành OCOP cấp tỉnh, huyện, xã.

- Chủ doanh nghiệp, hợp tác xã, cán bộ kinh doanh, kế toán (SMEs, HTX,...).

- Lao động trực tiếp tại các SMEs, HTX,...

c) Nội dung đào tạo

c1) Tập huấn xây dựng, triển khai kế hoạch kinh doanh.

- Tập huấn cộng đồng (đặc biệt là người có ý tưởng sản phẩm tham gia Chương trình được lựa chọn) về phương pháp xây dựng “Kế hoạch kinh doanh” tại Bước 2 của chu trình OCOP.

- Tập huấn cộng đồng về phương pháp triển khai kế hoạch kinh doanh tại Bước 3 của Chu trình OCOP.

c2) Tập huấn phát triển sản phẩm

Tập huấn cộng đồng về phương pháp phát triển sản phẩm, các bước phát triển sản phẩm tại Bước 4 của Chu trình OCOP. Nội dung tập trung: Khái niệm chung về sản phẩm, các bước phát triển sản phẩm mới, bao bì thực phẩm, nhãn hiệu hàng hóa, an toàn vệ sinh bao bì thực phẩm, vòng đời sản phẩm, marketing trong phát triển sản phẩm mới,... Kết quả: có phát triển sản phẩm dựa trên tình huống cụ thể tại cơ sở mình.

c3) Tập huấn kỹ năng bán hàng (phân phối, xúc tiến thương mại,...)

Nhân viên bán hàng của các chủ thể kinh tế tham gia Chương trình OCOP, nhân viên làm việc tại các điểm, trung tâm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP (và sản phẩm nông sản) trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk được đào tạo các kỹ năng cơ bản về tiếp thị, bán hàng, được cấp chứng chỉ sau khi hoàn thành khóa học.

c4) Tập huấn cho cán bộ quản lý, điều hành Chương trình OCOP

Triển khai các hoạt động tập huấn và đào tạo nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước tham gia quản lý, điều hành Chương trình OCOP. Thực hiện các khóa tập huấn ngắn hạn cấp chứng chỉ về: (i) Hình thành và tái cơ cấu các HTX/doanh nghiệp; (ii) Nghiên cứu và phát triển sản phẩm; (iii) Tổ chức sản xuất; (iv) Xúc tiến thương mại; (v) Phương pháp luận và công cụ làm việc với cộng đồng, cho cán bộ trong hệ thống OCOP từ cấp tỉnh, đến cấp huyện. Các hoạt động bao gồm:

Nội dung tập huấn này được thực hiện theo từng khóa, mỗi khóa một chủ đề (hoặc tổng hợp), được triển khai định kỳ 01 lần/năm, từ năm 2022-2025. Các hoạt động này do OCOP tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện. Giảng viên (i) đến từ tổ chức tư vấn và (ii) các giảng viên trường đại học, các nhà khoa học và cán bộ lãnh đạo của tỉnh.

c5) Đào tạo giám đốc điều hành chủ thể kinh tế (CEO)

Đào tạo các CEO của HTX/công ty/tổ trưởng tổ hợp tác/chủ hộ đăng ký kinh doanh tham gia OCOP. Phương án triển khai: Xây dựng chương trình đào tạo bồi dưỡng phù hợp ở trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên để tổ chức đào tạo; tiến tới hỗ trợ đào tạo từ trình độ trung cấp trở lên. Cơ sở đào tạo: các cơ sở Giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh và trường Đại học Tây Nguyên.

d) Thời gian, kinh phí, cơ quan thực hiện

- Thời gian: năm 2022-2025

- Kinh phí: 24.260 triệu đồng.

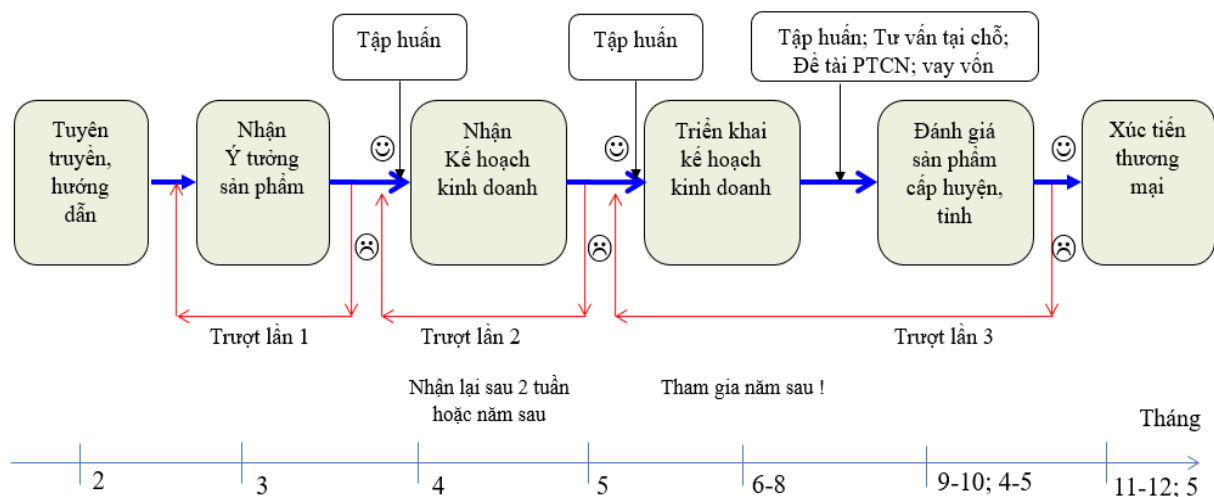
- Cơ quan thực hiện:

+ Chủ trì: Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh; Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Công thương; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

+ Phối hợp: các Sở, ngành, địa phương, các chủ thể kinh tế.

6. Tuân thủ, duy trì thực hiện chu trình OCOP thường niên

Tổ chức triển khai chu trình OCOP thường niên tại các cấp (theo sơ đồ)



Chu trình OCOP được thực hiện theo 6 bước, trên cơ sở nguyên tắc “dân biết, dân bàn, dân làm” (đề xuất nhu cầu từ dưới lên, theo nhu cầu và khả năng của hộ sản xuất, của SMEs, HTX). Trong đó quan trọng là bước thi đánh giá chất lượng sản phẩm.

6.1. Tuyên truyền, hướng dẫn về Chương trình OCOP

Triển khai các hoạt động tuyên truyền về Chương trình OCOP đến hệ thống quản lý các cấp và cộng đồng.

a) Nội dung chính

Sự cần thiết 03 nguyên tắc của OCOP; bộ tiêu chí đánh giá, phân hạng; nội dung Chương trình OCOP; các chính sách hỗ trợ của Nhà nước; đề xuất ý tưởng sản phẩm, từ đó khởi đầu chu trình OCOP của cộng đồng.

b) Các kênh tuyên truyền

Các phương tiện truyền thông cấp tỉnh, huyện, xã (truyền thanh, truyền hình, báo chí,...); tại các hội nghị, hội thảo cấp tỉnh, huyện, xã, thôn (lồng ghép); cuộc họp, hội nghị của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp (lồng ghép); ...

c) Yêu cầu

- Quan điểm của Chương trình: Chương trình OCOP là chương trình phát triển kinh tế khu vực nông thôn theo hướng phát huy nội lực (trí tuệ sáng tạo, lao động, nguyên liệu, văn hóa...) và gia tăng giá trị, nâng cao thu nhập của cư dân nông thôn, góp phần xây dựng nông thôn mới; Phát triển sản phẩm nông nghiệp, phi nông nghiệp, dịch vụ có lợi thế ở mỗi địa phương theo chuỗi giá trị; Chủ thể thực hiện là thành phần kinh tế tư nhân (doanh nghiệp, hộ sản xuất có đăng ký kinh doanh) và kinh tế tập thể (tổ hợp tác, hợp tác xã); Nhà nước đóng vai trò kiến tạo, ban hành khung pháp lý và chính sách, kiểm tra, giám sát và hỗ trợ các chủ thể phát triển sản phẩm...

- Phát huy các tiềm năng, lợi thế và truyền thống của địa phương để phát triển các sản phẩm đặc sản có giá trị cao về kinh tế và văn hóa; Phát huy sự sáng tạo và sức mạnh cộng đồng để tổ chức sản xuất và hình thành các sản phẩm gắn

với giá trị cộng đồng; Phát triển liên kết theo chuỗi giá trị để nâng cao năng lực sản xuất và phát triển bền vững các sản phẩm hàng hóa.

d) Thời gian, kinh phí, cơ quan thực hiện

- Thời gian: Năm 2022-2025 (trọng tâm vào tháng 2 hàng năm).

- Kinh phí: 2.311,4 triệu đồng.

- Trách nhiệm tổ chức triển khai:

* Ủy ban nhân dân cấp xã:

+ Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng, người dân và các chủ thể OCOP trên địa bàn xã về Chương trình OCOP;

+ Rà soát các sản phẩm tiềm năng trên địa bàn xã và hướng dẫn các chủ thể đăng ký tham gia Chương trình OCOP.

* UBND cấp huyện:

+ Tổ chức triển khai tuyên truyền nâng cao nhận thức về Chương trình OCOP trên phạm vi huyện;

+ Phối hợp, hỗ trợ, hướng dẫn UBND cấp xã rà soát các sản phẩm tiềm năng.

* UBND cấp tỉnh:

Tổ chức triển khai tuyên truyền về Chương trình OCOP trên phạm vi toàn tỉnh, giao Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh phối hợp với các Sở, ngành, các tổ chức đoàn thể, chính trị xã hội, UBND các cấp thực hiện tốt công tác tuyên truyền.

6.2. Nhận ý tưởng sản phẩm

a) Nội dung

Sau khi được tuyên truyền, người dân khởi đầu tham gia Chương trình OCOP bằng việc đăng ký ý tưởng sản phẩm (theo mẫu) nộp cho cán bộ đầu mối phụ trách OCOP cấp xã/huyện. Các ý tưởng sản phẩm được OCOP huyện tiếp nhận, xem xét, đánh giá, lựa chọn tham gia (dựa trên bộ tiêu chí OCOP). Các ý tưởng không được chọn có thể hoàn thiện, nộp lại sau 01 tuần hoặc tham gia cùng thời điểm vào năm sau.

b) Yêu cầu: Ý tưởng/sản phẩm đăng ký cần được đánh giá trên các nội dung, bao gồm:

- Sự phù hợp của sản phẩm so với mục tiêu, quan điểm của Chương trình: Sản phẩm tham gia Chương trình OCOP ưu tiên các sản phẩm đặc trưng, truyền thống, lợi thế của địa phương, gắn với đời sống và có tiềm năng mang lại lợi ích kinh tế cho cộng đồng. Sản phẩm đã hình thành nhưng chưa hoàn thiện, sản phẩm tiềm năng đều được đưa vào kế hoạch của địa phương;

- Sự phù hợp của các tổ chức, cá nhân đăng ký: Các tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia Chương trình gồm: hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp nhỏ và vừa, các hộ sản xuất có đăng ký kinh doanh.

c) Thời gian, kinh phí, cơ quan thực hiện

- Thời gian: năm 2022-2025 (trọng tâm vào tháng 3 hàng năm).

- Kinh phí: 2.439,7 triệu đồng.

- Trách nhiệm tổ chức triển khai:

* Chủ thể tham gia OCOP:

+ Khảo sát, đánh giá hiện trạng sản phẩm về: nhu cầu, thị hiếu của thị trường đối với sản phẩm; vùng nguyên liệu; lực lượng lao động có tay nghề; khả năng đầu tư phát triển sản phẩm OCOP theo yêu cầu của Chương trình;

+ Xây dựng phiếu đăng ký ý tưởng/sản phẩm OCOP.

* UBND cấp xã:

+ Chủ trì tổ chức, phối hợp với cơ quan quản lý OCOP cấp huyện, tổ chức/chuyên gia tư vấn OCOP để hỗ trợ các chủ thể hoàn thiện ý tưởng/sản phẩm đăng ký;

+ Xây dựng kế hoạch, tiếp nhận ý tưởng/sản phẩm từ các chủ thể kinh tế.

* UBND cấp huyện:

+ Tổng hợp kế hoạch, đề xuất về ý tưởng/sản phẩm đăng ký của cấp xã;

+ Chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý OCOP cấp tỉnh, tổ chức/chuyên gia tư vấn OCOP để tổ chức đánh giá và lựa chọn ý tưởng/sản phẩm tham gia Chương trình OCOP;

+ Xây dựng kế hoạch tổng hợp ý tưởng/sản phẩm của cấp huyện và gửi kết quả về cơ quan quản lý OCOP cấp tỉnh.

* UBND cấp tỉnh:

+ Giao Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh chủ trì thực hiện:

+ Nhận kế hoạch của các huyện, khảo sát, xây dựng và phê duyệt danh sách ý tưởng/sản phẩm tham gia Chương trình OCOP của tỉnh;

+ Xây dựng kế hoạch và tổ chức tập huấn về xây dựng phương án kinh doanh trên phạm vi toàn tỉnh và kế hoạch đào tạo nghề OCOP.

6.3. Nhận phương án sản xuất kinh doanh (phương án kinh doanh)

a) Nội dung

Sau khi các chủ thể chủ thể kinh tế tham gia OCOP được tập huấn, chủ nhân các ý tưởng chủ động xây dựng kế hoạch kinh doanh và nộp cho cán bộ OCOP cấp xã, huyện. Các kế hoạch kinh doanh được xem xét, lựa chọn (dựa trên bộ tiêu chí). Kế hoạch kinh doanh không được lựa chọn có thể hoàn thiện, nộp lại hoặc tham gia cùng thời điểm vào năm sau.

b) Yêu cầu

Phương án kinh doanh được xây dựng và lựa chọn ngoài các yêu cầu chung, cần phải xác định rõ các định hướng, giải pháp để thực hiện các yêu cầu tương ứng với mục tiêu phân hạng sản phẩm theo Bộ tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm.

c) Thời gian, kinh phí, cơ quan thực hiện

- Thời gian: năm 2022-2025 (trọng tâm vào tháng 3-4 hàng năm).

- Kinh phí: 3.740,7 triệu đồng.

- Trách nhiệm tổ chức triển khai:

* Chủ thể tham gia OCOP:

+ Xây dựng phương án kinh doanh sản phẩm của chủ thể theo biểu mẫu số 3, Phụ lục 2, Quyết định số 1048/QĐ-TTg ngày 21/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ, do UBND cấp xã cung cấp;

+ Gửi phương án kinh doanh.

* UBND cấp xã: phối hợp với cơ quan quản lý OCOP cấp huyện, tổ chức/chuyên gia tư vấn OCOP để hướng dẫn, hỗ trợ các chủ thể xây dựng phương án kinh doanh.

* UBND cấp huyện:

+ Chủ trì, phối hợp với tổ chức/chuyên gia tư vấn OCOP để tổ chức đánh giá, lựa chọn các phương án kinh doanh;

+ Thông báo kết quả đánh giá, lựa chọn phương án kinh doanh cho UBND cấp xã và các chủ thể.

* UBND cấp tỉnh:

+ Giao Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh chịu trách nhiệm:

+ Tổng hợp danh sách kết quả lựa chọn phương án kinh doanh từ các huyện;

+ Tổ chức tập huấn về phương pháp triển khai phương án kinh doanh.

6.4. Triển khai phương án kinh doanh

Sau khi đã hoàn thành Bước 1, 2 của Chu trình OCOP thường niên các chủ thể kinh tế sẽ chủ động thực hiện các nội dung trong kế hoạch nhằm phát triển, hoàn thiện sản phẩm. Trong quá trình thực hiện, các chủ thể kinh tế đồng thời nhận được hỗ trợ, tư vấn tại chỗ, kết nối của cán bộ OCOP cấp huyện hoặc tư vấn của Chương trình OCOP, dưới dạng các chuyến thăm và làm việc định kỳ theo Kế hoạch. Tùy mức độ đơn giản hay phức tạp và điều kiện sẵn có, một sản phẩm có thể nhận một hoặc tất cả các hình thức hỗ trợ từ Chương trình OCOP, bao gồm: Hình thành mới hoặc tái cơ cấu các chủ thể kinh tế đã có; huy động vốn; xây dựng và triển khai các Dự án phát triển sản phẩm; tập huấn về nghiên cứu và phát triển sản phẩm (R&D); xây dựng và triển khai các đề tài khoa học

công nghệ; hợp đồng với các nhà khoa học; tham gia khóa đào tạo “CEO chân đất”; kết nối thị trường; kết nối với các nhà cung ứng đầu vào.

Trong Chương trình OCOP các hình thức tổ chức có sự tham gia góp vốn rộng rãi hơn của người dân địa phương như HTX, công ty cổ phần sẽ được ưu tiên hơn các hình thức tổ chức khác như: Hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH,...

a) Nội dung chính

- Hình thành mới hoặc tái cơ cấu chủ thể kinh tế (tập huấn, tư vấn hướng dẫn tại chỗ).

- Huy động, kết nối nguồn lực (người dân được chỉ dẫn, kết nối để tiếp cận các nguồn vốn, nguồn lực sẵn có hoặc huy động,...).

- Xây dựng/cải tạo/củng cố cơ sở hạ tầng, đầu tư, mua sắm trang thiết bị phục vụ sản xuất.

- Vận hành hoạt động sản xuất sản phẩm.

- Ứng dụng công nghệ, hoàn thiện quy trình công nghệ (tiếp cận nguồn Khoa học công nghệ, đề tài, dự án thử nghiệm/ứng dụng,...).

- Xúc tiến thương mại: Tăng cường hoạt động truyền thông quảng bá (tự chủ động và/hoặc được hỗ trợ từ nhà nước, tham gia các sự kiện xúc tiến thương mại trong và ngoài tỉnh).

- Nâng cao chất lượng năng lực (tham gia các khóa, chương trình đào tạo tập huấn nâng cao năng lực từ Chương trình OCOP).

b) Yêu cầu

Tùy vào từng trường hợp, nội dung hỗ trợ cần tập trung để giúp các chủ thể nâng cao năng lực, đáp ứng các yêu cầu của Bộ tiêu chí, như: nguồn nguyên liệu; sử dụng lao động địa phương; đào tạo/tập huấn về tay nghề; mở rộng quy mô sản xuất; tiêu chuẩn chất lượng; bao bì, nhãn mác sản phẩm; phát triển liên kết và mở rộng kênh phân phối,...

c) Thời gian, kinh phí, cơ quan thực hiện

- Thời gian: năm 2021-2025 (liên tục trong năm, trọng tâm tháng 4-8 hằng năm).

- Kinh phí: 12.233 triệu đồng.

- Trách nhiệm tổ chức triển khai:

* Chủ thể tham gia OCOP: chủ động, phối hợp với các cơ quan quản lý OCOP các cấp, tổ chức/chuyên gia tư vấn OCOP để tiếp cận các chính sách hỗ trợ về tín dụng, khoa học công nghệ, liên kết chuỗi giá trị, đào tạo nghề,.. Tổ chức triển khai các nội dung, giải pháp theo phương án kinh doanh nhằm phát triển sản xuất, kinh doanh và sản phẩm OCOP.

* UBND cấp xã: tổ chức theo dõi tiến độ, nắm bắt thông tin về quá trình triển khai phương án kinh doanh để phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước cấp huyện, tổ chức/chuyên gia tư vấn hỗ trợ các chủ thể OCOP.

*** UBND cấp huyện:**

+ Hướng dẫn các chủ thể tiếp cận các chính sách hỗ trợ của nhà nước, đặc biệt là về các chính sách: tín dụng, khoa học công nghệ, liên kết chuỗi giá trị, đào tạo nghề;

+ Chủ trì, phối hợp với các tổ chức/chuyên gia tư vấn để hướng dẫn, tư vấn, hỗ trợ trực tiếp tại thực địa, thường xuyên và liên tục đối với các chủ thể để triển khai phương án kinh doanh;

+ Hỗ trợ đào tạo nghề Chương trình OCOP cho các chủ thể;

+ Tổ chức theo dõi tiến độ triển khai, xác định các khó khăn/vấn đề và nhu cầu hỗ trợ của các chủ thể.

*** UBND cấp tỉnh:**

+ Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh chủ trì, phối hợp với tổ chức/chuyên gia tư vấn OCOP để hướng dẫn, hỗ trợ các chủ thể tiếp cận các chính sách hỗ trợ của nhà nước;

+ Các Sở, ngành tổ chức các hoạt động hỗ trợ gắn với chức năng, nhiệm vụ được phân công.

6.5. Đánh giá và phân hạng sản phẩm

Các sản phẩm tham gia Chương trình OCOP bắt buộc tham gia đánh giá/phân hạng tại 2 cấp (cấp huyện, cấp tỉnh), trong đó các sản phẩm đạt ngưỡng từ 3-5 sao theo bộ tiêu chí OCOP sẽ tham gia đánh giá ở cấp tỉnh. Các sản phẩm được đánh giá và phân hạng tại các cấp sẽ do Hội đồng đánh giá sản phẩm cấp tương ứng (huyện, tỉnh) thực hiện. Các sản phẩm không được đánh giá cao (1-2 sao) và các sản phẩm đạt 3-4 sao kỳ trước có thể hoàn thiện và dự thi đánh giá và phân hạng vào năm tiếp theo. Các sản phẩm đạt từ 90 điểm trở lên sẽ được đăng ký dự thi đánh giá, phân hạng ở cấp quốc gia theo kế hoạch năm của Chương trình OCOP Quốc gia.

a) Yêu cầu

Quá trình xây dựng hồ sơ, tổ chức đánh giá phải đảm bảo công khai, minh bạch và theo đúng quy định.

b) Thời gian, kinh phí, cơ quan thực hiện

- Thời gian: năm 2022-2025 (chia làm 02 đợt, trọng tâm tháng 6-7 và tháng 10-11 hằng năm).

- Kinh phí: 8.235,2 triệu đồng.

- Trách nhiệm tổ chức triển khai:

*** Chủ thể tham gia OCOP:**

+ Xây dựng hồ sơ đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP theo quy định tại Quyết định số 1048/QĐ-TTg ngày 21/8/2019 và Quyết định số 781/QĐ-TTg ngày 08/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ;

+ Gửi hồ sơ đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP tới UBND cấp huyện.

* UBND cấp xã:

+ Căn cứ vào phương án kinh doanh, thực tế của các chủ thể để xác nhận về tỷ lệ lao động, nguyên liệu địa phương theo quy định tại Quyết định số 781/QĐ-TTg ngày 08/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ;

+ Tiếp nhận thông báo về kết quả đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cấp huyện; trao đổi với các chủ thể về kết quả và xây dựng kế hoạch hỗ trợ tiếp theo (nếu cần thiết).

* UBND cấp huyện:

+ Tiếp nhận hồ sơ, tổ chức Hội đồng đánh giá sản phẩm OCOP cấp huyện;

+ Thông báo kết quả đánh giá, phân hạng sản phẩm của Hội đồng cấp huyện cho UBND cấp xã và các chủ thể;

+ Hoàn thiện và chuyển hồ sơ, sản phẩm mẫu đối với những sản phẩm đạt từ 50 đến 100 điểm để đề nghị cấp tỉnh đánh giá, phân hạng.

* UBND cấp tỉnh:

+ Tiếp nhận hồ sơ và tổ chức Hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm cấp tỉnh;

+ Ban hành Quyết định công nhận kết quả đánh giá và cấp Giấy chứng nhận sản phẩm đạt 3 sao, 4 sao; tổ chức công bố kết quả;

+ Thông báo kết quả đánh giá, phân hạng sản phẩm cho UBND cấp huyện;

+ Chuyển hồ sơ sản phẩm đạt từ 90 đến 100 điểm tới Bộ Nông nghiệp và PTNT để đề nghị đánh giá, phân hạng sản phẩm cấp Trung ương;

+ Tổ chức rà soát, xem xét và đánh giá lại (nếu cần) đối với sản phẩm chưa đạt 5 sao theo Quyết định của Hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cấp quốc gia; ban hành Quyết định công nhận và cấp Giấy chứng nhận sản phẩm đạt 3 sao hoặc 4 sao theo kết quả rà soát, đánh giá lại của Hội đồng cấp tỉnh.

6.6. Xúc tiến thương mại

6.6.1. Quảng bá sản phẩm

Triển khai các hoạt động xúc tiến, quảng bá trên các phương tiện truyền thông đại chúng:

- Xây dựng video clip, tin bài quảng bá cho các sản phẩm đạt chứng nhận sao OCOP.

- Phát sóng trên truyền hình hoặc đăng trên các trang báo, tạp chí của tỉnh; thời lượng và tần số phát tin bài, video clip căn cứ theo thứ hạng sao của sản phẩm. Các chủ thể OCOP được nhận video clip, tin bài về sản phẩm của mình để chủ động thực hiện các chương trình quảng bá, tiếp thị riêng của mình.

- Xây dựng, xuất bản ấn phẩm, tạp chí chuyên đề OCOP quảng bá trên hệ thống tuyến du lịch, các điểm dừng chân, các danh lam thắng cảnh.

- Tổ chức các đoàn xúc tiến thương mại cấp tỉnh hoặc các doanh nghiệp mang sản phẩm OCOP tiêu biểu (tùy thị trường) đến giới thiệu tại các thị trường trong nước và quốc tế.

6.6.2. *Thương mại điện tử (E-Commercial)*

- Thúc đẩy hoạt động phân phối sản phẩm OCOP trên các trang thương mại điện tử phổ biến tại Việt Nam hiện nay như: Shopee.vn, Sendo.vn, Tiki.vn, Lazada,... Tổ chức đào tạo cho cán bộ phụ trách kinh doanh của các chủ thể OCOP về cách thức thiết lập gian hàng và bán hàng thông qua các trang thương mại điện tử.

- Xây dựng website quảng bá sản phẩm của các chủ thể OCOP dưới dạng website thành phần trên hệ thống cơ sở dữ liệu OCOP (dữ liệu website gắn với quản lý nhà nước) hoặc sử dụng website riêng của từng chủ thể OCOP (dữ liệu không gắn với quản lý nhà nước) để phục vụ cho hoạt động tuyên truyền quảng bá và bán hàng.

- Xây dựng các cơ chế hỗ trợ để thúc đẩy hoạt động giao dịch thương mại điện tử như: Hỗ trợ kinh phí quảng cáo (Google Ads, Facebook Ads, Zalo Ads, hoặc quảng cáo trên các trang thương mại điện tử tại Việt Nam) dựa trên hiệu quả giao dịch thực tế; Chính sách hỗ trợ cho các Doanh nghiệp tư nhân trực tiếp xây dựng và vận hành các sàn thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh.

- Tham gia hệ thống Sàn thương mại điện tử OCOP theo hướng dẫn của Thường trực OCOP Trung ương. Quản lý số lượng, chất lượng sản phẩm OCOP của tỉnh trên Sàn thương mại điện tử (nếu có).

6.6.3. *Tổ chức các sự kiện, hội chợ, triển lãm*

- Tổ chức Hội chợ OCOP: Tổ chức thường niên tại cấp tỉnh (1 lần vào năm 2022 và từ 1-2 lần/năm vào những năm tiếp theo) tập trung vào các sự kiện văn hóa, du lịch lớn của tỉnh và Quốc gia. Tổ chức Hội chợ thường niên cấp huyện 1-2 hội chợ/năm tại các địa phương có hoạt động kỷ niệm, sự kiện lớn.

- Tổ chức quảng bá, giới thiệu sản phẩm OCOP của tỉnh tại các hội chợ, triển lãm trong và ngoài tỉnh: Tham gia Khu gian hàng giới thiệu và bán sản phẩm OCOP của tỉnh Đắc Lắc tại các hội chợ, triển lãm trong, ngoài tỉnh và ngoài nước, đặc biệt là các Hội chợ OCOP tổ chức tại các trung tâm kinh tế lớn như Hà Nội, Quảng Ninh, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh,... (OCOP của tỉnh kết nối, các doanh nghiệp, đơn vị chủ động tham gia, có thể được hỗ trợ một phần kinh phí từ ngân sách nhà nước tùy theo thực tế).

- Tổ chức, tham gia các Hội nghị đối tác OCOP, Hội thảo liên kết xúc tiến thương mại tiêu thụ sản phẩm OCOP,... nhằm tìm kiếm cơ hội kết nối, đối tác hợp tác sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm OCOP của tỉnh.

6.6.4. *Tổ chức thực hiện*

- Thời gian: năm 2022-2025 (liên tục trong năm).

- Kinh phí: 11.750 triệu đồng.

- Trách nhiệm tổ chức triển khai:

* UBND cấp huyện:

+ Xây dựng kế hoạch, tổ chức hoạt xúc tiến thương mại, kết nối cung - cầu cho sản phẩm OCOP trên địa bàn huyện;

+ Hỗ trợ các chủ thể OCOP tham gia xúc tiến thương mại cấp tỉnh, Trung ương.

* UBND cấp tỉnh:

- Cơ quan thực hiện: Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Công Thương.

+ Lập kế hoạch xúc tiến thương mại hằng năm của tỉnh;

+ Tổ chức các hoạt động quảng bá, giới thiệu, kết nối và phát triển kênh phân phối các sản phẩm OCOP ở phạm vi trong tỉnh, quốc gia và quốc tế. Huy động nguồn lực hỗ trợ từ trung ương, địa phương, các tổ chức liên quan để tổ chức: hệ thống trung tâm OCOP/cửa hàng giới thiệu sản phẩm OCOP; kết nối cung - cầu; giới thiệu sản phẩm theo chuỗi; mạng lưới liên kết OCOP giữa các địa phương cấp tỉnh; tổ chức các hội chợ OCOP định kỳ,...

7. Củng cố, phát triển các chủ thể kinh tế OCOP

Củng cố các chủ thể kinh tế OCOP theo hướng bài bản, chuyên nghiệp về tổ chức, vận hành sản xuất, phân phối, tiếp thị tạo các Mô hình điểm về sản xuất, kinh doanh sản phẩm OCOP góp phần lan tỏa Chương trình OCOP trong cộng đồng.

- Đối tượng: Các chủ thể tham gia giai đoạn 2018-2020; các chủ thể tham gia giai đoạn 2021-2025.

a) Nội dung

- Hình thành mới hoặc tái cấu trúc bộ máy tổ chức vận hành của chủ thể kinh tế (trọng tâm là Hợp tác xã,...).

- Nâng cao năng lực quản trị (tổ chức bộ máy, tổ chức sản xuất, tài chính,...), bán hàng, quảng bá, xúc tiến thương mại.

- Đầu tư, củng cố cơ sở hạ tầng, thiết bị máy móc tăng hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

- Thiết lập, duy trì hệ thống hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ tiêu chí của chương trình OCOP và các quy định hiện hành nhằm nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh sản phẩm của các chủ thể OCOP.

b) Thời gian, kinh phí, cơ quan thực hiện

- Thời gian: năm 2022-2025.

- Kinh phí: 32.160 triệu đồng.

- Cơ quan thực hiện:

+ Chủ trì: Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh; Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Công Thương; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

+ Phối hợp: Các Sở, ngành, đơn vị, các tổ chức xã hội có liên quan.

8. củng cố, phát triển sản phẩm

Sản phẩm giai đoạn 2018-2020 tập trung củng cố, nâng cấp, quảng bá, xúc tiến thương mại. Đối với sản phẩm giai đoạn 2021-2025, tuân thủ đúng theo Chu trình OCOP thường niên, trên cơ sở sản phẩm được đăng ký, đề xướng ý tưởng từ người dân. Ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ trong nghiên cứu cứu, phát triển sản phẩm chủ lực của tỉnh (đạt 5 sao và tiệm cận 5 sao) theo hướng đáp ứng về số lượng, gia tăng về giá trị, đảm bảo đạt tiêu chuẩn cao của Việt Nam và từng bước chuẩn hóa theo tiêu chuẩn quốc tế, phục vụ xuất khẩu.

8.1. Sản phẩm giai đoạn 2018-2020

a) Nội dung

- Rà soát, đánh giá toàn diện các sản phẩm đã được chứng nhận OCOP, đưa vào kế hoạch định kỳ hàng năm.

- Hoàn thiện và phát triển sản phẩm, bám sát tiêu chí OCOP và các quy định hiện hành. Tập trung tiêu chuẩn chất lượng tiên tiến, tăng cường giám sát; có hệ truy xuất nguồn gốc rõ ràng, minh bạch; tăng quy mô sản xuất; mở rộng thị trường tiêu thụ.

- Rà soát đánh giá, xác định sản phẩm chủ lực thực hiện dự án chuỗi liên kết quy mô cấp tỉnh, củng cố hoàn thiện sản phẩm trở thành sản phẩm OCOP quốc gia.

b) Thời gian, kinh phí, cơ quan thực hiện

- Thời gian: năm 2022-2025.

- Kinh phí: 4.700 triệu đồng.

- Cơ quan thực hiện:

+ Chủ trì: Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh.

+ Phối hợp: Các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố (Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế).

8.2. Sản phẩm giai đoạn 2021-2025

Phát triển các ý tưởng sản phẩm đăng ký hàng năm theo chu trình OCOP thường niên.

a) Nội dung

- Xác định sản phẩm trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố, trên cơ sở đề xuất sản phẩm từ địa phương.

- Thực hiện hoạt động điều tra, khảo sát, phân tích đánh giá hiện trạng chủ thể kinh tế và sản phẩm (năng lực quy mô nguyên liệu, cơ sở hạ tầng, nhà xưởng, thiết bị, công nghệ, tiêu chuẩn áp dụng, tiềm năng thị trường,...).

- Xác định mục tiêu, nội dung, giải pháp, kế hoạch và kinh phí thực hiện hỗ trợ.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện.

b) Thời gian, kinh phí, cơ quan thực hiện

- Thời gian: năm 2021-2025.

- Kinh phí: 38.250 triệu đồng.

- Cơ quan thực hiện:

- + Chủ trì: Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh.

- + Phối hợp: các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố (Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế).

9. Phát triển thương hiệu OCOP

Đẩy mạnh hoạt động truyền thông, quảng bá, xúc tiến thương mại các sản phẩm OCOP, phát triển thương hiệu sản phẩm đạt sao OCOP Đắc Lắc thành thương hiệu mạnh trên phạm vi quốc gia và quốc tế.

9.1. Nội dung 1: Quảng bá, tiếp thị

Trọng tâm đẩy mạnh triển khai các hoạt động xúc tiến, quảng bá trên các phương tiện truyền thông đại chúng: (1) Xây dựng video clip, tin bài quảng bá cho các sản phẩm có thứ hạng từ 3-5 sao (được thực hiện bởi báo viết, đài phát thanh, truyền hình, truyền thanh của tỉnh, huyện và xã); (2) Hoàn thiện câu chuyện sản phẩm, trong đó có clip về sản phẩm, gắn với mã QR code; (3) Phát sóng trên truyền hình hoặc đăng trên các trang báo, tạp chí của tỉnh, trung ương; (4) Dựng pano, áp phích theo tuyến quốc lộ, khu dân cư, khu du lịch; (5) Xây dựng, xuất bản ấn phẩm OCOP quảng bá trên hệ thống du lịch. Thời lượng và tần số phát tin bài, video clip căn cứ theo kết quả đánh giá, phân hạng của sản phẩm (3-5 sao). Các chủ thể OCOP sẽ được nhận video clip, tin bài về sản phẩm của mình để chủ động thực hiện các chương trình tiếp thị riêng của mình.

Hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp đăng ký, tham gia giới thiệu, phân phối sản phẩm trên các sàn thương mại điện tử tại Việt Nam như: Tiki, Shopee, Sendo, Lazada, Postmart, Voso,...

Hỗ trợ, cung cấp dịch vụ Marketing online, định hướng áp dụng công nghệ 4.0 trong Marketing online, các hoạt động gồm: (1) nghiên cứu thị trường (khảo sát thị trường, đối thủ cạnh tranh); (2) cải tiến sản phẩm; (3) xây dựng chiến lược phát triển sản phẩm; (4) xây dựng bộ nhận diện thương hiệu (cơ sở, sản phẩm); (5) xây dựng kênh truyền thông trên Website, Facebook, Zalo; (6) quảng cáo trên các nền tảng: mạng xã hội, báo điện tử, truyền hình,... ứng dụng công nghệ 4.0 trong quản lý, triển khai hoạt động Marketing Online. Các sản phẩm tiêu biểu/chủ lực cấp tỉnh được lựa chọn hỗ trợ một số hoặc toàn bộ các dịch vụ trên bởi đơn vị tư vấn có năng lực, kinh nghiệm nhằm phát triển thương hiệu các

sản phẩm chủ lực qua đó làm tăng doanh thu cho chủ thể sản xuất kinh doanh, là mô hình học tập để nhân rộng cho các sản phẩm khác và góp phần phát triển thương hiệu OCOP Đắk Lắk.

Tổ chức các cuộc thi hùng biện giới thiệu về sản phẩm trong các kỳ thi với sản phẩm dự kiến đạt 5 sao có truyền hình trực tiếp. Mời cá nhân nổi tiếng trong hoặc ngoài tỉnh làm đại sứ nhãn hiệu cho các sản phẩm đạt 4, 5 sao.

Các hoạt động quảng bá phải được thực hiện với một thông điệp truyền thông phù hợp và nhất quán, như “OCOP là tử tế” hoặc “OCOP là đặc sản”, “OCOP là niềm tự hào”,...

9.2. Nội dung 2: Chất lượng sản phẩm.

Tăng cường công tác tập huấn đào tạo hướng dẫn chuyên ngành theo lĩnh vực quản lý nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm (an toàn thực phẩm, công bố chất lượng, hồ sơ lô, truy xuất nguồn gốc, bao bì, nhãn,...).

Tăng cường hoạt động quản lý, giám sát chất lượng chuyên ngành hoặc liên ngành.

Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng khoa học kỹ thuật nhằm cải tiến, hoàn thiện, tính ổn định cao về chất lượng sản phẩm.

9.3. Nội dung 3: Chuẩn hóa quy trình, nghiệp vụ bán hàng

Xây dựng quy trình, văn hóa giới thiệu, bán sản phẩm OCOP Đắk Lắk tại hệ thống cơ sở giới thiệu và bán sản phẩm OCOP.

Tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ bán hàng, hiểu về OCOP và có ứng xử chung khi bán các sản phẩm OCOP.

9.4. Thời gian, kinh phí, cơ quan thực hiện

- Thời gian: năm 2022-2025.

- Kinh phí: 6.700 triệu đồng.

- Cơ quan thực hiện:

+ Chủ trì: Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Khoa học và Công nghệ.

+ Phối hợp: Các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố (Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế).

10. Xây dựng, triển khai các nhiệm vụ Dự án thành phần

10.1. Nhiệm vụ, dự án cấp tỉnh

Các chủ trì Dự án tổ chức xây dựng Dự án thành phần ngay sau khi có Quyết định phê duyệt Đề án chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, trình UBND tỉnh phê duyệt, thực hiện Dự án.

Một số dự án phát triển sản phẩm chủ lực, dự kiến gồm:

10.1.1. Lĩnh vực liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm

Dự án: nâng cao năng lực sản xuất đáp ứng trực sản phẩm OCOP quốc gia, tỉnh và cộng đồng. Hình thành các tiểu Dự án sau:

1) *Tiểu Dự án 1: nâng cao năng lực sản xuất đáp ứng trực sản phẩm OCOP Quốc gia.*

2) *Tiểu Dự án 2: nâng cao năng lực sản xuất đáp ứng trực sản phẩm OCOP cấp tỉnh và cộng đồng.*

a) Mục tiêu

- Đối với Tiểu dự án 1: Hình thành 05 chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đối với 05 sản phẩm chủ lực của tỉnh, có ít nhất 5 chủ thể kinh tế có sản phẩm OCOP tham gia thị trường xuất khẩu.

- Đối với tiểu dự án 2: Cung cố, tái cơ cấu ít nhất 15 chủ thể kinh tế cộng đồng (Hợp tác xã) trên địa bàn tỉnh (mỗi huyện/thị xã/thành phố 01 Hợp tác xã), làm mô hình kiểu mẫu, trình diễn nhằm nhân rộng tại mỗi địa bàn và toàn tỉnh.

b) Nguyên tắc

- Đối với Tiểu dự án 1: lập Dự án đầu tư, bám sát Luật Đầu tư; rà soát, đánh giá, lựa chọn chủ thể kinh tế (đơn vị chủ chốt) đủ năng lực đáp ứng trực sản phẩm OCOP quốc gia theo hình thức liên kết chuỗi giá trị.

- Đối với tiểu dự án 2: ưu tiên các Hợp tác xã là chủ thể kinh tế tham gia Dự án; rà soát, đánh giá, lựa chọn chủ thể kinh tế (đơn vị chủ chốt) đủ năng lực đáp ứng trực sản phẩm OCOP cấp tỉnh theo hình thức liên kết chuỗi giá trị.

- Các đơn vị được giao, chủ trì xây dựng dự án trình cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện theo quy định.

c) Thời gian, kinh phí, cơ quan thực hiện

- Thời gian: năm 2022-2025.

- Kinh phí: 70.000 triệu đồng.

+ Dự án nâng cao năng lực sản xuất đáp ứng trực sản phẩm OCOP Quốc gia, kinh phí 25.000 triệu đồng.

+ Dự án nâng cao năng lực sản xuất đáp ứng trực sản phẩm OCOP cấp tỉnh và cộng đồng, kinh phí 45.000 triệu đồng.

- Cơ quan thực hiện:

+ Chủ trì: Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh; Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Công thương.

+ Phối hợp: các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố (Phòng Nông nghiệp và PTNT/phòng kinh tế), UBND cấp xã.

10.1.2. Lĩnh vực khoa học công nghệ, chuyển đổi số

10.1.2.1. Dự án thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng OCOP

a) Mục tiêu

Hình thành 01 trung tâm nghiên cứu ứng dụng OCOP, có chức năng đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng chuyển giao trong hoạt động hoàn thiện, phát triển sản phẩm OCOP.

b) Nguyên tắc

Không đầu tư xây dựng mới, gắn nhiệm vụ hoạt động này đối với các đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng phù hợp trên địa bàn tỉnh.

c) Thời gian, kinh phí, cơ quan thực hiện:

- Thời gian: năm 2023-2025.

- Kinh phí: 1.000 triệu đồng.

- Cơ quan thực hiện:

+ Chủ trì: Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ.

+ Phối hợp: Các Sở, ngành liên quan, các cơ quan, đơn vị liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố (Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế), UBND cấp xã.

10.1.2.2. Dự án chuyển đổi số trong quản lý sản phẩm OCOP

1) *Tiểu dự án 1: thí điểm áp dụng công nghệ số trong sản xuất và kinh doanh sản phẩm OCOP.*

2) *Tiểu dự án 2: xây dựng hệ thống quản lý không gian OCOP các cấp (Webs – GIS)*

a) Mục tiêu

- Thực hiện 01 mô hình điểm áp dụng cho đối tượng đang sản xuất và kinh doanh sản phẩm OCOP.

- Xây dựng 01 hệ thống quản lý dữ liệu không gian OCOP từ cấp tỉnh đến địa phương, trên nền bản đồ số.

b) Nguyên tắc

- Đối với tiểu dự án 1: ưu tiên đối tượng là các chủ thể kinh tế đang sản xuất và kinh doanh sản phẩm OCOP.

- Đối với tiểu dự án 2: cơ sở dữ liệu OCOP cần số hóa lưu trữ trên nền tảng số (Webs-GIS), có thể liên kết với các Website quản lý đang được các cơ quan, đơn vị vận hành. Các dạng quản lý: dạng vùng (vùng trồng trọt, thu hái, chăn nuôi,...), dạng điểm (cơ sở sản xuất, cửa hàng, điểm bán, phân phối,...), dạng text (thông tin cơ sở và sản phẩm),...

c) Thời gian, kinh phí, cơ quan thực hiện:

- Thời gian: năm 2022-2025.

- Kinh phí: 1.600 triệu đồng.

- Cơ quan thực hiện:

+ Chủ trì: Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh

+ Phối hợp: Các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố (Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế), UBND cấp xã.

10.1.3. Lĩnh vực Dịch vụ, du lịch nông thôn

10.1.3.1. Dự án xây dựng hệ thống giới thiệu và bán hàng

a) Nội dung

- Phát huy tiềm năng lợi thế về du lịch, OCOP Đắc Lắc hình thành hệ thống giới thiệu và bán hàng OCOP gắn với du lịch, tiêu thụ, “xuất khẩu tại chỗ” phục vụ du khách trong nước và Quốc tế.

- Xây dựng các trung tâm, điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP. Kinh phí xây dựng bố trí từ ngân sách Nhà nước trên cơ sở phù hợp với quy hoạch, chủ trương của tỉnh và yêu cầu chung của chương trình OCOP, có giám sát, kiểm tra của hệ thống quản lý, điều hành Chương trình OCOP.

- Hệ thống giới thiệu và bán sản phẩm OCOP gồm: (1) Trung tâm OCOP (cấp huyện, cấp tỉnh, vùng); (2) Gian hàng OCOP tại các siêu thị, chợ truyền thống, khu dân cư lớn; (3) Điểm bán hàng OCOP tại các điểm du lịch, khách sạn, nhà hàng, khu dân cư,...; (4) Quầy giới thiệu sản phẩm OCOP tại trung tâm hành chính (cấp huyện, tỉnh). Xây dựng điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP Đắc Lắc tại các trung tâm kinh tế lớn trên cả nước (Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh,... định hướng mở rộng đến các tỉnh trong cả nước,...).

b) Chỉ tiêu

- Hình thành 01 trung tâm OCOP cấp tỉnh, 15 trung tâm OCOP cấp huyện; tạo ra ít nhất 161 điểm giới thiệu và bán hàng OCOP trong tỉnh; hình thành ít nhất 24 điểm trưng bày và giới thiệu sản phẩm chủ lực và OCOP ngoài tỉnh (Bảng 3).

- Đến năm 2025 trưng bày và bán ít nhất 250 sản phẩm OCOP, có ít nhất 150 chủ thể kinh tế tham gia hệ thống.

Bảng 1: Trung tâm/điểm giới thiệu sản phẩm và bán hàng OCOP

Stt	Hạng mục	Đơn vị tính	Trung tâm		Cửa hàng	
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Trong tỉnh	Ngoài tỉnh
1	Điểm trưng bày, giới thiệu sản phẩm OCOP tại 03 thành phố lớn	Cơ sở				24
2	Điểm trưng bày, giới thiệu sản phẩm OCOP tại cửa hàng trong tỉnh	Cơ sở			161	
3	Trung tâm OCOP cấp tỉnh	Cơ sở	1			

4	Trung tâm OCOP cấp huyện	Cơ sở		15		
Tổng			1	15	161	24

Ghi chú⁵: Căn dân số bình quân/huyện, thị xã, thành phố cơ quan được giao chủ trì phân bổ số trung tâm, điểm trung bày, giới thiệu sản phẩm phù hợp

c) Thời gian, kinh phí, cơ quan thực hiện:

- Thời gian: năm 2022-2025.

- Kinh phí: 59.400 triệu đồng.

+ Ngân sách nhà nước: 13.380 triệu đồng (điểm trung bày và giới thiệu ngoài tỉnh 1.440 triệu đồng/24 điểm, trong tỉnh 9.660 triệu đồng/161 điểm; trung tâm OCOP cấp tỉnh 300 triệu/trung tâm, cấp huyện 1.500 triệu đồng/trung tâm).

+ Vốn huy động nguồn lực trong nhân dân và các tổ chức hợp pháp: 46.020 triệu đồng.

- Trách nhiệm tổ chức triển khai:

* UBND cấp huyện, thị xã, thành phố:

+ Đối với điểm bán hàng OCOP: Cơ quan thường trực OCOP huyện lập kế hoạch trình UBND các huyện, thị xã, thành phố phê duyệt thực hiện.

+ Đối với Trung tâm OCOP cấp huyện: UBND các huyện, thị xã, thành phố xây Dự án đầu tư trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

* UBND cấp tỉnh:

Sở Công Thương chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố lập dự án đầu tư trình UBND tỉnh phê duyệt thực hiện theo quy định.

10.1.3.2. Dự án Phát triển sản phẩm OCOP “du lịch cộng đồng”.

a) Mục tiêu

Triển khai 05 mô hình, tạo ra ít nhất từ 3-5 sản phẩm du lịch cộng đồng đạt tiêu chuẩn OCOP từ 3 sao trở lên.

b) Yêu cầu: Hướng tới “Nền du lịch thứ 3”, dựa vào tài nguyên sẵn có tại cộng đồng, phát triển loại hình du lịch sinh thái trải nghiệm (ví dụ: Ăn cùng, ở cùng, lao động/sản xuất cùng,...).

c) Nội dung

- Xác định sản phẩm trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố, trên cơ sở đề xuất sản phẩm từ địa phương.

⁵ Buôn đôn, 64.913 người; Krông Búk, 65.692 người; Lắk, 70.862; Ea Súp, 71.579; M'Drăk, 72.950; Krông Ana, 80.582; Krông Bông, 92.859; Buôn Hồ, 99.244; Cư Kuin, 101.754; Krông Năng, 127.544; Ea H'leo, 138.093; Ea Kar, 145.548; Cư M'Gar, 178.840; Krông Pắc, 195.542; Buôn Ma Thuột, 380.755 (theo niên giám Thống kê tỉnh Đắk Lắk năm 2020)

- Thực hiện hoạt động điều tra, khảo sát, phân tích đánh giá hiện trạng chủ thể kinh tế và sản phẩm (Dựa trên Bộ tiêu chí số 26 về Du lịch cộng đồng và điểm du lịch).

- Xác định mục tiêu, nội dung, giải pháp, kế hoạch và kinh phí thực hiện.
- Xây dựng, trình UBND tỉnh phê duyệt dự án và tổ chức thực hiện.

d) Thời gian, kinh phí, cơ quan thực hiện

- Thời gian: năm 2021-2025.
- Kinh phí: 15.000 triệu đồng.
- Cơ quan thực hiện:

+ Chủ trì: Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

+ Phối hợp: Các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố (Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế).

10.1.4. Lĩnh vực đảm bảo chất lượng và truy xuất nguồn gốc

10.1.4.1. Dự án quản lý mã số vùng trồng các sản phẩm hàng hóa nông sản

a) Mục tiêu:

Đến năm 2025, có ít nhất 05 cơ sở đóng gói được cấp mã số.

b) Nguyên tắc:

- Đối với mã số vùng trồng, tuân thủ Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 774:2020/BVTV năm 2020 của Cục bảo vệ thực vật quy định về Quy trình thiết lập và giám sát vùng trồng và đáp ứng các yêu cầu của nước nhập khẩu.

- Đối với mã số cơ sở đóng gói, tuân thủ Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 775:2020/BVTV năm 2020 của Cục bảo vệ thực vật quy định về Quy trình thiết lập và giám sát cơ sở đóng gói và đáp ứng các yêu cầu của nước nhập khẩu.

c) Thời gian, kinh phí, cơ quan thực hiện

- Thời gian: năm 2023-2025.
- Kinh phí: 3.000 triệu đồng.
- Cơ quan thực hiện:

+ Chủ trì: Sở Nông nghiệp và PTNT (chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật).

+ Phối hợp: Các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố (Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế).

10.4.2. Dự án triển khai chứng nhận các tiêu chuẩn đáp ứng thị trường đích

a) Mục tiêu:

Đến năm 2025, số diện tích có tiêu chuẩn đối với trục sản phẩm Quốc gia đạt 30%; đối với sản phẩm trục cấp tỉnh và cộng đồng đạt 50%.

b) Nguyên tắc:

- Ưu tiên các đối tượng là chủ thể kinh tế có tham gia các hoạt động liên kết chuỗi giá trị bền vững.

- Việc xây dựng tiêu chuẩn phù hợp theo thị trường đích yêu cầu, ưu tiên các chứng nhận có tiêu chuẩn cao được thị trường Quốc tế công nhận.

c) Thời gian, kinh phí, cơ quan thực hiện

- Thời gian: năm 2022-2025.

- Kinh phí: 5.000 triệu đồng.

- Cơ quan thực hiện:

+ Chủ trì: Sở Nông nghiệp và PTNT,

+ Phối hợp: Các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố (Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế).

10.1.5. Lĩnh vực bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ

Dự án: xây dựng, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm đặc trưng, chủ lực có tiềm năng xuất khẩu của tỉnh có sử dụng tên địa danh, chỉ dẫn địa lý.

a) Mục tiêu

Có ít nhất 03 sản phẩm được xây dựng, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

b) Nội dung

- Xác định sản phẩm đặc trưng, chủ lực có tiềm năng xuất khẩu của tỉnh có sử dụng tên địa danh, chỉ dẫn địa lý trình UBND tỉnh phê duyệt danh mục nhiệm vụ thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ của tỉnh.

- Tổ chức quản lý, triển khai thực hiện các Dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ của tỉnh theo nhiệm vụ khoa học công nghệ.

c) Thời gian, kinh phí, cơ quan thực hiện

- Thời gian: năm 2023-2025.

- Kinh phí: Nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ (3.000 triệu đồng).

- Cơ quan thực hiện:

+ Chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

+ Phối hợp: Sở Nông nghiệp và PTNT, các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố (Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế).

10.2. Nhiệm vụ, dự án cấp huyện

Mỗi huyện, thị xã, thành phố xây dựng tối thiểu 03 Dự án, tập trung hỗ trợ hoàn thiện, nâng cấp sản phẩm chủ lực (tư vấn, giám sát, hỗ trợ các chủ thể kinh tế: Phát triển sản phẩm mới, nâng cấp, chuẩn hóa và hoàn thiện hồ sơ sản phẩm đáp ứng tiêu chí OCOP và thị trường,...).

a) Mục tiêu

Phát triển ít nhất 45 sản phẩm nông nghiệp/tiểu thủ công nghiệp/dịch vụ du lịch chủ lực cấp tỉnh đạt tiêu chuẩn OCOP và được công nhận sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao cấp tỉnh.

b) Nội dung

- Tư vấn hỗ trợ cơ quan thường trực Ban chỉ đạo OCOP và các chủ thể kinh tế (xây dựng Đề án, Dự án, kế hoạch,...; xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, bảo hộ nhãn hiệu; thiết kế bộ nhận diện thương hiệu/nhãn hiệu; xây dựng, hoàn thiện hồ sơ pháp lý sản phẩm (an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường, tự công bố/công bố chất lượng sản phẩm, kiểm soát chất lượng,...) và các minh chứng áp dụng đáp ứng các tiêu chí trong bộ tiêu chí OCOP Quốc gia; xây dựng liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm,...)

- Hỗ trợ vật tư bao bì, nhãn sản phẩm, in ấn nhãn, hồ sơ sản phẩm và các nội dung khác liên quan đến nhận diện sản phẩm.

- Xây dựng điểm trưng bày giới thiệu sản phẩm, hỗ trợ hạ tầng, máy móc thiết bị, giống cây trồng, vật nuôi, vật tư, chuyển giao khoa học công nghệ.

- Công tác quản lý, giám sát của Ban chỉ đạo và tổ giúp việc OCOP huyện đối với các chủ thể kinh tế (an toàn thực phẩm, quản lý và công bố chất lượng sản phẩm, câu chuyện sản phẩm, bảo vệ môi trường sản xuất, hoàn thiện hồ sơ sản phẩm OCOP,...).

- Thăm quan, hội nghị, hội thảo, tập huấn nâng cao năng lực cán bộ quản lý, các chủ thể kinh tế, hoạt động Hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm cấp huyện.

c) Thời gian, kinh phí, cơ quan thực hiện

- Thời gian: năm 2021-2025.

- Kinh phí: 72.000 triệu đồng. (vận dụng/áp dụng một hoặc đồng thời: Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 về hợp tác liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; NĐ số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 phát triển ngành nghề nông thôn; Quyết định 1804/QĐ-TTg ngày 13/01/2020 hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể; các quy định hiện hành khác của Trung ương và tỉnh Đắk Lắk).

- Cơ quan thực hiện:

- + Chủ trì: UBND các huyện, thị xã, thành phố (Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế).

- + Phối hợp: các cơ quan, đơn vị liên quan các cấp.

11. Giám sát đánh giá OCOP

Giám sát, đánh giá Đề án là nội dung quan trọng yêu cầu thực hiện, phản ánh quá trình và kết quả thực hiện của Đề án.

a) Nội dung

- Xây dựng bộ chỉ số giám sát đánh giá Chương trình OCOP Đắc Lắc giai đoạn 2021-2025.

- Tổ chức hoạt động giám sát, đánh giá kết quả hoạt động triển khai từng năm và giai đoạn.

- Tổ chức các Hội nghị/Hội thảo về việc triển khai, phối hợp triển khai OCOP tại các Sở, ngành, địa phương.

b) Thời gian, kinh phí, cơ quan thực hiện

- Thời gian: năm 2022-2025.

- Kinh phí: 2.002,5 triệu đồng.

- Cơ quan thực hiện:

- + Chủ trì: Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh.

- + Phối hợp: Sở Nông nghiệp và PTNT; các Sở, ngành liên quan, Liên hiệp hội khoa học kỹ thuật tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

12. Tổng kết Đề án hàng năm và giai đoạn

a) Nội dung

- Tổ chức Hội nghị tổng kết cấp tỉnh, huyện, thị xã, thành phố, đánh giá kết quả đạt được hàng năm và cả giai đoạn 2021-2025.

- Thi đua khen thưởng, biểu dương các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” hàng năm và giai đoạn 2021-2025 theo quy định.

b) Thời gian, kinh phí, cơ quan thực hiện

- Thời gian: năm 2022-2025.

- Kinh phí: 2.868 triệu đồng.

- Cơ quan thực hiện:

- + Chủ trì: UBND tỉnh (Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh), UBND các huyện, thị xã, thành phố (Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế), UBND các xã, phường, thị trấn.

- + Phối hợp: Các Sở, ngành, đơn vị liên quan trên địa bàn tỉnh

V. GIẢI PHÁP

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện

- Xác định đây là nhiệm vụ và giải pháp quan trọng trong triển khai thực hiện Chương trình OCOP nói riêng và phát triển kinh tế, xã hội nói chung. Các

cấp ủy, chính quyền quán triệt sâu sắc về tầm quan trọng và ý nghĩa của Đề án, được thể hiện bằng ý chí và hành động thông qua việc đưa OCOP vào Nghị quyết hành động của Cấp ủy, Kế hoạch, Chương trình công tác chỉ đạo trọng tâm của Chính quyền địa phương để triển khai thực hiện lâu dài và thường xuyên.

- Lập Kế hoạch thực hiện ở mỗi cấp hàng năm (tỉnh - huyện - xã), xác định mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cụ thể cho Kế hoạch năm. Kế hoạch này do UBND các cấp phê duyệt (lập, phê duyệt Kế hoạch vào tháng 1-2 hàng năm).

- Công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện xuyên suốt từ tỉnh đến cấp xã, duy trì hoạt động hỗ trợ, kiểm tra, giám sát tại cơ sở và báo cáo định kỳ ở mỗi cấp

2. Tăng cường tuyên truyền, vận động

2.1. Cấp ủy, chính quyền các cấp

Ngoài Hội nghị tuyên truyền hàng năm theo chu trình OCOP thường niên ở cấp tỉnh, huyện, ngoài ra cần đẩy mạnh hoạt động này nhiều hơn nữa ở cấp xã (thực hiện chuyên biệt hoặc lồng ghép).

Coi đây là yếu tố, là động lực phát triển kinh tế, xã hội tại địa phương OCOP được nhắc đến trong cuộc họp, hội nghị, hội thảo,... là giải pháp căn bản thực hiện có hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Thực hiện tuyên truyền thông qua hệ thống các phương tiện thông tin đại chúng, tuyên truyền trực quan bằng hình ảnh, khẩu hiệu cụ thể để thực hiện OCOP thường xuyên và liên tục.

2.2. Cộng đồng

Đẩy mạnh thông tin tuyên truyền tại cộng đồng, thông qua các tổ chức hội, đoàn thể tại địa phương (hội nông dân, hội phụ nữ, đoàn thanh niên,...), từ đó khích lệ tinh thần khởi nghiệp và sáng tạo, tạo nên phong trào. Truyền tải thông điệp từ Chương trình OCOP, Chu trình OCOP, bộ tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP, những thành tựu và kết quả thực hiện Chương trình; gương điển hình tiên tiến và mô hình sản xuất tiêu biểu trong tổ chức sản xuất, phát triển thị trường, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật nâng cao giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm khu vực nông thôn. Kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc và những bất cập, tồn tại trong quá trình triển khai Chương trình OCOP ở các địa phương.

Việc thông tin, tuyên truyền được thực hiện thường xuyên, liên tục qua hệ thống các phương tiện thông tin đại chúng từ tỉnh đến cấp xã, thôn; Website của Chương trình OCOP, dưới dạng bản tin, chuyên đề, câu chuyện gắn với hình ảnh, khẩu hiệu cụ thể.

3. Tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực

a) Đối với cấp tỉnh

- + Chỉ đạo, điều hành: do Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Đắk Lắk thực hiện.

- + Cơ quan thường trực: Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh

- Cơ cấu tổ chức thực hiện tại tỉnh: Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh (chủ trì), các cơ quan, đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn tự bố trí, sắp xếp nguồn nhân lực đảm bảo triển khai vận hành Chương trình.

b) Đối với cấp huyện

+ Chỉ đạo, điều hành: do Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp huyện thực hiện.

+ Cơ quan thường trực: Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế (gọi tắt là thường trực Chương trình OCOP cấp huyện).

- Cơ cấu tổ chức thực hiện tại huyện: thường trực Chương trình OCOP cấp huyện phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn tự bố trí, sắp xếp nguồn nhân lực đảm bảo triển khai vận hành Chương trình.

c) Đối với cấp xã

Cán bộ phụ trách lĩnh vực Nông nghiệp - Phát triển nông thôn, thực hiện nhiệm vụ tham mưu, triển khai Chương trình MTQG xây dựng NTM, Chương trình OCOP. Do Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch UBND xã phụ trách Nông lâm nghiệp chỉ đạo triển khai Chương trình OCOP tại xã.

4. Nguồn lực và cơ chế chính sách

Từ thực tế triển khai giai đoạn 2018-2020 tồn tại 02 vấn đề chính (1) thiếu cơ chế chính sách riêng của chương trình OCOP trên địa bàn tỉnh, (2) người dân thiếu nguồn lực hỗ trợ do cơ chế chưa rõ ràng ở các cấp.

Các vấn đề cần làm trong giai đoạn 2021 – 2025, cụ thể:

a) Đối với nhà nước:

- Một là: xác định rõ nguồn lực thực hiện cho cả giai đoạn, trên cơ sở định hướng mục tiêu phát triển sản phẩm của các huyện, thị xã, thành phố đề xuất. Tối ưu hóa các nguồn lực sẵn có từ cộng đồng (tri thức bản địa, lao động, tài nguyên,...) tham gia vào quá trình hình thành và phát triển sản phẩm.

- Hai là: cần có chính sách riêng áp dụng đối với Chương trình OCOP, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chi tiết về nội dung và mức chi áp dụng cho các hoạt động của Chương trình.

- Ba là: các chính sách vận dụng/áp dụng hỗ trợ đối với các sản phẩm cần có kế hoạch đồng bộ (nhất là ở cấp huyện), nhằm tối ưu hóa nguồn lực theo chuỗi.

b) Đối với người dân

- Nguồn vốn: ngoài tiền, còn nhiều cách huy động vốn khác. Các nguồn lực này rất đa dạng, từ đất đai (góp thời gian sử dụng đất - không mất đất), đến nguyên vật liệu, nhân công, công nghệ, sở hữu trí tuệ,... Có thể nhận thấy nguồn lực từ người dân đã được xác định là rất lớn, lớn hơn nguồn lực từ nguồn ngân

sách hỗ trợ (nếu có). Tất cả chúng cần được chuyển thành vốn góp trong quá trình hình thành các pháp nhân kinh doanh, như HTX, doanh nghiệp.

- Kết cấu vốn: nguyên tắc "vốn chủ (vốn dài) trước, vốn vay/hỗ trợ sau" trong kinh doanh. Việc triển khai OCOP sẽ thất bại nếu chỉ dựa trên nguồn ngân sách hoặc đi vay, do đó, cần xây dựng tài liệu hướng dẫn cán bộ OCOP cấp huyện và người dân cách huy động các nguồn lực này.

- Vay vốn: Việc vay nhiều vốn cho việc xây dựng nhà xưởng, mua sắm thiết bị công suất lớn và đất tiền nhưng phần tiếp thị lại kém nên chưa bán được hàng, dẫn đến áp lực khấu hao tài sản và trả lãi. Điều này thường xuất hiện khi theo đuổi các dự án lớn của nhà nước. Bởi vậy, cần xác định quy mô phù hợp và kiên quyết không theo đuổi các dự án lớn. Nên áp dụng “khởi nghiệp tinh gọn”. Khởi đầu bằng vốn chủ, khi có tín hiệu tăng trưởng thị trường mới vay vốn.

5. Đất đai, tài nguyên và môi trường

a) Đất đai

- Đối với đất sản xuất kinh doanh: cần có Quy hoạch rõ ràng, dài hạn tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể kinh tế ổn định nhà xưởng sản xuất, kinh doanh (sở hữu hoặc thuê). Có cơ chế đặc thù, cho thuê, mượn với chính sách thuế ưu đãi, đặc biệt với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp mới khởi nghiệp. Tăng cường hoạt động giám sát việc sử dụng đất đúng mục đích sử dụng.

- Đối với vùng sản xuất: cần có định hướng quy hoạch vùng sản xuất tập trung với từng đối tượng mà áp dụng vùng nuôi, trồng quy mô từ nhỏ, vừa và lớn (các sản phẩm chủ lực cấp tỉnh, huyện).

b) Tài nguyên

Sử dụng tài nguyên có kiểm soát, bền vững, tạo sinh kế dài hạn nhằm tận dụng tốt nguồn tài nguyên thiên nhiên, văn hóa, tri thức địa phương tại tỉnh Đắk Lắk (sông, núi, khoáng sản,...). Phát triển một số sản phẩm dựa trên lợi thế so sánh của Đắk Lắk (du lịch danh thắng, sinh thái, tâm linh, văn hóa,...).

c) Môi trường

Môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ sản phẩm OCOP là phần không tách rời các quy định về bảo vệ môi trường hiện hành.

- Cơ quan quản lý: phổ biến hướng dẫn sâu rộng về công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh và kinh doanh dịch vụ đối với các chủ thể kinh tế và người dân.

- Cơ sở sản xuất kinh doanh và dịch vụ phải tuân thủ nghiêm ngặt quy định của pháp luật về môi trường theo quy định (có báo cáo đánh giá tác động môi trường/kế hoạch/cam kết bảo vệ môi trường; có minh chứng triển khai áp dụng tại cơ sở).

6. Khoa học công nghệ và công nghệ thông tin

Ứng dụng triệt để các nội dung của Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (4.0), đặc biệt thực hiện các ứng dụng công nghệ của Nông nghiệp, du lịch 4.0 vào tổ chức sản xuất hàng hóa, dịch vụ trong Chương trình Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Đắk Lắk.

- Xây dựng và triển khai các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, hoàn thiện công nghệ, ứng dụng công nghệ vào sản xuất và kinh doanh các sản phẩm OCOP. Các đề tài/dự án dựa trên nhu cầu cụ thể của các chủ thể kinh tế (ưu tiên các hợp tác xã và các doanh nghiệp nhỏ và vừa có địa chỉ ứng dụng cụ thể).

- Ứng dụng khoa học quản lý trong xây dựng mô hình doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã sản xuất sản phẩm OCOP tại cộng đồng. Cần có mô hình tổ chức rõ ràng, công tác quản lý về sản xuất hàng hóa, quản lý chất lượng sản phẩm và đặc biệt là quản lý thương hiệu, hình ảnh, phân phối sản phẩm.

- Phát triển và chuẩn hóa vùng nguyên liệu đầu vào (giám sát, kiểm soát chất lượng) thuộc 06 nhóm ngành hàng thuộc OCOP. Chuẩn hóa nguyên liệu đầu vào ngày càng trở nên quan trọng, khách hàng ngày càng quan tâm đến tiêu chuẩn và xuất xứ nguồn gốc sản phẩm. Vì vậy việc ứng dụng KH - CN vào chuẩn hóa nguồn đầu vào ngày càng cần thiết và quan trọng để tạo nên sự đột phá về sản phẩm OCOP của Đắk Lắk.

- Sản xuất, dịch vụ: ứng dụng công nghệ cao quy trình khép kín, tăng năng suất lao động và sản xuất, theo dõi quản lý chặt chẽ có hệ thống. Đặc biệt trong đó là ứng dụng công nghệ tự động hóa hoặc công nghệ số để giảm sức lao động trong sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, các công nghệ, dây chuyền sản xuất sản phẩm theo chuỗi giá trị, tận dụng phụ phẩm, khai thác triệt để giá trị nguyên liệu cũng rất quan trọng, cần được ưu tiên nghiên cứu, ứng dụng trong Chương trình.

- Sản phẩm hàng hóa: Ứng dụng công nghệ nhận diện thông minh đối với sản phẩm (tem điện tử phục vụ truy xuất nguồn gốc,...).

- Hỗ trợ các tổ chức kinh tế đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong phát triển sản xuất sản phẩm thuộc Chương trình OCOP

7. Xúc tiến thương mại và kết nối chuỗi

Đa số chủ thể kinh tế tại cộng đồng người dân chỉ tập trung vào sản xuất, thường quen với sản xuất (nuôi - trồng) không quen giao tiếp, bán hàng, dẫn đến yếu trong bán hàng hoặc có xu hướng phụ thuộc vào nhà bao tiêu. Các giải pháp đưa ra:

- Thay đổi tư duy bán hàng, chủ động tìm kiếm khách hàng, tạo giá trị cho khách hàng, chuyên nghiệp hóa quy trình bán hàng, đa dạng hóa kênh bán hàng, bằng nhiều kênh bán hàng khác nhau: bán hàng tại chỗ (khu/điểm du lịch, khu dân cư,...) có chung bộ nhận diện, chuẩn hóa quy trình, văn hóa bán hàng OCOP. Bán online trên các nền tảng mạng xã hội (facebook, zalo, twitter,...).

- Đẩy mạnh phát triển các gian hàng thương mại điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bán hàng (Shopee, Lazada, Sendo, Amazon,...).

- Tổ chức các sự kiện, quảng bá xúc tiến thương mại định kỳ độc lập hoặc gắn với các sự kiện lớn trên địa bàn tỉnh, huyện (Hội chợ/phiên chợ, tuần lễ,...).

- Kết nối các Tua (Tour), tuyến du lịch trải nghiệm kết hợp bán hàng OCOP tại chỗ, khách hàng được thăm vùng nuôi trồng, sản xuất, trải nghiệm tại chỗ.

- Tăng cường hình thành, xây dựng hỗ trợ hệ thống của hàng giới thiệu và bán sản phẩm OCOP trên địa bàn trong tỉnh và ngoài tỉnh.

8. Kiểm tra giám sát, thi đua khen thưởng

Chương trình OCOP chỉ thành công khi “dán vào đầu” người dân/khách hàng cụm từ “OCOP là tử tế”. Đây là một quá trình lâu dài (xây dựng thương hiệu). Các thông điệp truyền thông sản phẩm OCOP nên rõ ràng và nhất quán theo nội hàm “tử tế”.

- Cơ quan quản lý: có hoạt động kiểm tra, giám sát định kỳ các sản phẩm OCOP nhằm đảm bảo rằng tính ổn định chất lượng sản phẩm và tuân thủ đúng các tiêu chí của Chương trình. Tôn vinh sản phẩm đạt chứng nhận sao OCOP hàng năm.

- Chủ thể OCOP: hình thành các nhóm (Goup, hội) chủ thể kinh tế có các sản phẩm cùng loại, tăng cường hoạt động hỗ trợ và giám sát chéo.

9. Có vai trò của tư vấn OCOP

Việc thấu hiểu và triển khai bài bản OCOP không dễ dàng, đặc biệt trong bối cảnh nhiều cán bộ đã quen cách làm "từ trên xuống".

Các nội dung đã tự làm tốt có thể tự thực hiện không cần tư vấn. Các nội dung mới (các chuyên đề sâu theo từng năm, các dự án tổng hợp - như phát triển dự án theo chuỗi giá trị, du lịch cộng đồng,...; các dự án cần đổi mới, sáng tạo; các mô hình phát triển đột phá,...) hoặc các nội dung cũ nhưng chưa nhuần nhuyễn, thiếu nguồn lực: Nên tiếp tục có tư vấn.

Phân biệt tư vấn tổng thể và tư vấn chuyên ngành: tư vấn tổng thể là giúp/bám sát Ban chỉ đạo OCOP tỉnh (hay huyện) triển khai thành công Chương trình OCOP ở địa phương; Tư vấn chuyên ngành là thực hiện các hoạt động chuyên ngành trong chu trình OCOP.

Tư vấn OCOP bao gồm các cá nhân, pháp nhân (doanh nghiệp, viện, trường đại học) có kinh nghiệm và năng lực tư vấn 1 nội dung, một số nội dung hoặc toàn bộ các nội dung hoạt động của Chương trình OCOP. Trong Chương trình OCOP, có 3 lực lượng tư vấn, gồm: Tư vấn ngoài tỉnh, tư vấn cấp tỉnh và tư vấn cấp huyện:

1) Tư vấn ngoài tỉnh: là cá nhân, pháp nhân (doanh nghiệp, viện, trường đại học) có năng lực, thực hiện hoạt động tư vấn theo hợp đồng với cơ quan quản lý OCOP tỉnh hoặc huyện. Công việc chính gồm:

a) Tư vấn Ban chỉ đạo OCOP các cấp (tư vấn tổng thể): giúp/bám sát Ban chỉ đạo OCOP tỉnh (hay huyện) triển khai thành công Chương trình OCOP ở địa phương, bao gồm: xây dựng kế hoạch; tuyên truyền; bố trí nguồn lực; tổ chức hội nghị/hội thảo; kết nối nguồn lực; đào tạo cán bộ OCOP cấp tỉnh, huyện; triển khai mẫu/mô hình điểm tại cộng đồng (hình thành, tái cơ cấu các HTX/DN, huy động nguồn lực cộng đồng, quản trị,...); đánh giá và phân hạng sản phẩm; xúc tiến thương mại; xây dựng và triển khai các dự án thành phần của Chương trình;...

b) Tư vấn các tổ chức OCOP tại cộng đồng (tư vấn chuyên ngành):

- Tư vấn phát triển doanh nghiệp, HTX: Tuyên truyền, vận động, hình thành hoặc tái cơ cấu các doanh nghiệp, HTX, xây dựng cơ cấu tổ chức phù hợp, thiết kế mặt bằng, xây dựng các quy chế, phương án SXKD, xây dựng phần cứng (cơ sở hạ tầng, mua sắm trang thiết bị), phần mềm (hệ thống các quy trình, thao tác chuẩn, hồ sơ, đào tạo nhân lực,...) để đạt các tiêu chuẩn nhà sản xuất theo luật định.

- Tư vấn tài chính: xác định nhu cầu vốn, nguồn vốn, phương pháp tiếp cận, quản lý tài chính,...

- Tư vấn phát triển sản phẩm: xác định nhu cầu thị trường, thiết kế sản phẩm mới, cải tiến sản phẩm đã có, xây dựng tiêu chuẩn, câu chuyện về sản phẩm,...

- Tư vấn quản trị doanh nghiệp (HTX/SMEs): quản trị sản xuất, nhân lực, R&D, chất lượng, marketing và bán hàng, các kỹ năng CEO,...

- Tư vấn kỹ thuật/công nghệ: lựa chọn các kỹ thuật/công nghệ phù hợp với điều kiện của các HTX/SMEs.

Dễ nhận thấy các công việc tư vấn trong chương trình OCOP là đa dạng và phức tạp, vừa thuộc lĩnh vực quản lý, vừa thuộc lĩnh vực chuyên môn thuộc nhiều ngành khác nhau, khó có thể được thực hiện bởi một cá nhân/tổ chức đơn lẻ. Bởi vậy, cần chọn các nhà tư vấn thích hợp, có thể mạnh trong lĩnh vực tư vấn và đã được chứng minh qua thực tiễn đã thực hiện tại các địa phương, doanh nghiệp, HTX,... đã thực hiện trước đó.

Phần III

KINH PHÍ, KẾ HOẠCH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

Thời gian thực hiện: dự kiến 04 năm (từ 2022 đến năm 2025).

Địa bàn thực hiện: toàn bộ các xã, phường, thị trấn của 15 huyện, thành phố, thị xã thuộc tỉnh Đắk Lắk.

Khung thời gian thực hiện chương trình:

(Chi tiết như phụ lục kèm theo)

II. KINH PHÍ, NGUỒN VỐN, KẾ HOẠCH

1. Kinh phí

Tổng kinh phí thực hiện Đề án là: 388.941,9 triệu đồng, Trong đó:

- Ngân sách nhà nước: 134.721,9 triệu đồng (34,6 %)

+ *Ngân sách trực tiếp cho OCOP 46.299,4 triệu đồng (chiếm 11,9%/tổng kinh phí)*

+ *Ngân sách lồng ghép và huy động khác 88.422,5 triệu đồng (chiếm 22,7%/tổng kinh phí)*

- Kinh phí huy động từ cộng đồng: 254.220,0 triệu đồng (65,4 %).

(Chi tiết như phụ lục kèm theo)

2. Nguồn vốn

2.1. Ngân sách nhà nước

Từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; vốn lồng ghép từ Chương trình mục tiêu quốc gia, các Chương trình, dự án khác; các nguồn vốn lồng ghép khác từ Trung ương và địa phương 134.721,9 triệu đồng, phân nguồn cụ thể:

Bảng 2: Phân nguồn ngân sách nhà nước theo các đơn vị thực hiện

Phân nguồn ngân sách nhà nước									
Tổng	Vốn phân bổ và lồng ghép tại cấp tỉnh (theo Sở, ngành)								Huyện, TP,TX
	NTM	NN& PTNT	Công thương		KH& CN	VH- TT- DL	LĐ TBXH	TTTT	
			XTTM	KC					
134.721,9	46.299,4	7.100	2.673,5	16.600	6.000	2.580	400	1.080	51.990

2.2. Ngoài ngân sách

Vốn của các Doanh nghiệp, Hợp tác xã, hộ sản xuất tự huy động, nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng, nguồn vốn hỗ trợ của các nhà tài trợ Chương trình OCOP và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Tổng cộng: 254.220 triệu đồng.

3. Kế hoạch kinh phí

Kinh phí thực hiện bao gồm vốn ngân sách và ngoài ngân sách, cụ thể tại bảng sau:

Bảng 3: Phân nguồn ngân sách nhà nước theo các năm thực hiện

Tổng cộng	Phân nguồn ngân sách nhà nước theo năm					Huy động khác
	Tổng	2022	2023	2024	2025	
388.941,9	134.721,9	27.338,8	36.303,1	36.628,8	34.453,1	254.220,0

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo

- Rà soát nhiệm vụ triển khai OCOP đối với “Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2021-2025” ở các cấp.
- Giao Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh là cơ quan Thường trực Ban chỉ đạo triển khai Chương trình OCOP ở cấp tỉnh và đến các địa phương.

2. Cơ quan Thường trực thực hiện

Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh có trách nhiệm chính trong việc triển khai thực hiện Chương trình; tham mưu cho Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu Quốc gia tỉnh và phối hợp với các Sở, ngành, địa phương điều phối hoạt động của chương trình, một số nội dung cụ thể:

- Chủ trì xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch triển khai Chương trình OCOP Đắk Lắk theo giai đoạn và hàng năm.
- Hướng dẫn các huyện, thành phố, thị xã xây dựng, triển khai Chương trình OCOP Đắk Lắk ở địa phương, thường xuyên tổ chức kiểm tra, đánh giá thực hiện Chương trình ở các huyện, thành phố, thị xã.
- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các Sở, ngành, đơn vị có liên quan khác bố trí, phân bổ, huy động nguồn lực thực hiện Chương trình.
- Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, Y tế, Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường và các Sở, ngành, đơn vị có liên quan tổ chức các kỳ đánh giá phân hạng sản phẩm.
- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, huyện, xã rà soát các chủ thể sản xuất và sản phẩm tham Chương trình OCOP.
- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan xây dựng và triển khai các Dự án thành phần của Chương trình.
- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị có liên quan đánh giá, tổng kết thực hiện Chương trình.

3. Các sở, ban, ngành

Các Sở, ngành hỗ trợ, hướng dẫn trình tự thủ tục, cơ chế chính sách áp dụng cho các địa phương trong phạm vi, lĩnh vực quản lý.

a) Giao Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, hỗ trợ các chủ thể kinh tế hoàn thiện hồ sơ, thủ tục theo danh mục nhóm, phân nhóm sản phẩm được giao quản lý tại Phụ lục 01, Quyết định số 1048/QĐ-TTg ngày 21/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bộ tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm. Hướng dẫn chủ thể kinh tế tiếp cận nguồn vốn khuyến nông; lập, đề xuất kế hoạch nội dung, kinh phí hàng năm thuộc lĩnh vực quản lý và triển khai các hoạt động được giao trong Chương trình OCOP.

b) Giao Sở Công Thương chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, hỗ trợ các chủ thể kinh tế hoàn thiện hồ sơ, thủ tục theo danh mục nhóm, phân nhóm sản phẩm được giao quản lý tại Phụ lục 01, Quyết định số 1048/QĐ-TTg ngày 21/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bộ tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm. Hướng dẫn, chủ thể kinh tế tiếp cận nguồn vốn khuyến công; lập, đề xuất kế hoạch nội dung, kinh phí hàng năm thuộc lĩnh vực quản lý và triển khai các hoạt động được giao trong Chương trình OCOP; tổ chức, quản lý, điều phối các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối tiêu thụ các sản phẩm OCOP (hội chợ, triển lãm,...); cập nhật thông tin thị trường trong nước và quốc tế liên quan đến sản phẩm OCOP; thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động thương mại đối với hệ thống trung tâm, điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP trong và ngoài tỉnh.

c) Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, hỗ trợ các chủ thể kinh tế hoàn thiện hồ sơ, thủ tục theo danh mục nhóm, phân nhóm sản phẩm được giao quản lý tại Phụ lục 01, Quyết định số 1048/QĐ-TTg ngày 21/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bộ tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương hỗ trợ các chủ thể kinh tế, cộng đồng đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ trong phát triển sản xuất sản phẩm thuộc Chương trình OCOP; hướng dẫn chung về xây dựng và công bố Tiêu chuẩn cơ sở; tổng hợp đề xuất nhiệm vụ khoa học công nghệ hàng năm liên quan đến phát triển sản phẩm OCOP sử dụng nguồn vốn sự nghiệp khoa học và công nghệ cấp tỉnh, trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định; hỗ trợ các địa phương hướng dẫn, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, nội dung chung về ghi nhãn hàng hóa và đăng ký mã số mã vạch đối với sản phẩm OCOP.

d) Giao Sở Y tế chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, hỗ trợ các chủ thể kinh tế hoàn thiện hồ sơ, thủ tục theo danh mục nhóm, phân nhóm sản phẩm được giao quản lý tại Phụ lục 01, Quyết định số 1048/QĐ-TTg ngày 21/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bộ tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm. Hướng dẫn các chủ thể kinh tế chế biến thực phẩm; kinh doanh dược, các quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và các quy trình bảo đảm an toàn thực phẩm và kinh doanh dược phẩm đúng quy định. Thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng đối với sản phẩm là thuốc; thuốc y học cổ truyền; thực phẩm chức năng và sản phẩm thực phẩm thuộc lĩnh vực ngành y tế quản lý.

e) Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, hỗ trợ các chủ thể kinh tế hoàn thiện hồ sơ, thủ tục theo danh mục nhóm, phân nhóm sản phẩm được giao quản lý tại Phụ lục 01, Quyết định số 1048/QĐ-TTg ngày 21/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bộ tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm. Chủ trì, phối hợp với Hiệp hội Du lịch Đắk Lắk, các Sở, ngành, địa phương và đơn vị có liên quan hỗ trợ các tổ chức, cá nhân, nhóm cộng đồng nghiên cứu, đầu tư phát triển, quảng bá các sản phẩm dịch vụ du lịch gắn với du

lịch nông thôn trên cơ sở phát huy thế mạnh về tài nguyên du lịch, danh lam thắng cảnh, văn hóa truyền thống trên địa bàn tỉnh.

g) Giao Sở Tài chính hàng năm, trên cơ sở tổng hợp kế hoạch kinh phí của các Sở, ngành, địa phương, đơn vị do Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh tổng hợp và đề nghị, theo khả năng cân đối ngân sách, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Đề án.

h) Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn liên quan đến quy hoạch, phân bổ kế hoạch vốn Đầu tư phát triển; cũng như vai trò trong việc chủ trì, hoặc phối hợp triển khai thực hiện các Chương trình MTQG.

i) Giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố trong việc bố trí quỹ đất phục vụ xây dựng các điểm giới thiệu, quảng bá sản phẩm, gắn với các điểm du lịch trong Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; hướng dẫn các đơn vị sản xuất, kinh doanh, các khu du lịch, dịch vụ thực hiện các thủ tục về đất đai, đảm bảo môi trường theo quy định; Tập huấn, hướng dẫn cho các phòng TN&MT cấp huyện và các chủ thể sản xuất chấp hành tốt các quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất, kinh doanh; Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo tốt công tác dồn điền đổi thửa, tích tụ đất sản xuất, để xây dựng các vùng nguyên liệu tập trung, phục vụ chuỗi liên kết giá trị trong Chương trình OCOP.

k) Giao Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk và các Sở, ngành hướng dẫn các cơ quan báo chí của tỉnh, Cổng Thông tin điện tử tỉnh, hệ thống thông tin cơ sở tuyên truyền về Chương trình mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk,...

l) Giao Sở Nội vụ hướng dẫn, hỗ trợ Sở Nông nghiệp và PTNT, các Sở, ngành liên quan và địa phương trong việc cơ cấu bộ máy, sắp xếp, bố trí nhân sự trong việc triển khai Chương trình OCOP đồng bộ từ cấp tỉnh đến cơ sở phù hợp.

m) Giao Sở Lao động, Thương binh và Xã hội chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh phối hợp, tổ chức triển khai đào tạo các ngành nghề theo nhu cầu đặt hàng của các chủ thể kinh tế tham gia chương trình.

n) Giao Sở Giao thông vận tải điều tiết, kết nối hệ thống vận chuyển hàng hóa trong và ngoài tỉnh cho Chương trình OCOP, phối hợp triển khai công tác xúc tiến thương mại cho các sản phẩm OCOP trên các tuyến vận tải khác nhau.

o) Đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk chỉ đạo các Chi nhánh, tổ chức tín dụng trên địa bàn tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ doanh nghiệp, người dân tiếp cận nguồn vốn vay để tham gia thực hiện Chương trình OCOP theo chỉ đạo của NHNN Việt Nam và hướng dẫn của Hội sở tổ chức tín dụng.

4. Các tổ chức chính trị, xã hội

a) Liên minh Hợp tác xã tỉnh hỗ trợ các nhóm hộ gia đình, tổ hợp tác tham gia OCOP hình thành và phát triển hợp tác xã; tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn, hỗ trợ các hợp tác xã tham gia Chương trình OCOP.

b) Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, một số cơ quan truyền thông, báo chí trên địa bàn tỉnh, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng chuyên mục, chuyên đề về Chương trình OCOP của tỉnh; tăng thời lượng tuyên truyền về Chương trình OCOP; thường xuyên đăng tải các tin, bài, nêu gương tập thể, cá nhân điển hình trong thực hiện Chương trình OCOP.

c) Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh

Chỉ đạo các tổ chức Đoàn từ tỉnh đến cơ sở xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai vận động, hỗ trợ thanh niên ở vùng nông thôn khởi nghiệp OCOP; thanh niên, sinh viên ở các trường đại học/cao đẳng hỗ trợ các chủ thể kinh tế, hộ gia đình tham gia OCOP về phát triển sản phẩm, ứng dụng công nghệ trong sản xuất - kinh doanh các sản phẩm OCOP, đào tạo nhân lực, xúc tiến thương mại,... tùy thuộc vào lĩnh vực hoạt động của các trường.

d) Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh

Gắn các hoạt động OCOP trong quá trình triển khai đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025” của Chính phủ, tích cực tham gia vào các chủ thể kinh tế THT, HTX,... phụ nữ sản xuất tạo sản phẩm.

e) Đề nghị các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các hội, hiệp hội khác (Hội nông dân, Mặt trận tổ quốc, Hội Đông y,...)

Tăng cường tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên tích cực tham gia Chương trình OCOP; chủ động tham gia vào các chuỗi giá trị hình thành trong Chương trình OCOP.

5. Chính quyền địa phương (cấp huyện, cấp xã)

5.1. Cấp huyện

Bổ sung nhiệm vụ đối với BCD các CTMTQG huyện, phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế chủ trì thực hiện, bố trí ít nhất 01 công chức chuyên trách thuộc biên chế được giao, các công chức cấp phòng của các phòng ban liên quan hoạt động theo hình thức kiêm nhiệm, các hoạt động triển khai:

- Xây dựng kế hoạch, ban hành và tổ chức triển khai Chương trình OCOP tại cấp huyện, xã (cấp huyện chủ trì, cấp xã phối hợp).

- Huy động/phân bổ/điều chỉnh các nguồn lực thực hiện trong phạm vi quản lý. Sử dụng nguồn vốn thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, vốn khoa học công nghệ, khuyến công, khuyến nông, ngân sách địa phương và lồng ghép các nguồn khác để triển khai thực hiện Chương trình OCOP tại địa phương.

- Triển khai thực hiện Chu trình OCOP thường niên (tuyên truyền, đăng ký sản phẩm, triển khai kế hoạch kinh doanh, tổ chức thi đánh giá và phân hạng sản phẩm cấp huyện).

5.2. Cấp xã

Bổ sung nhiệm vụ đối với Ban quản lý các Chương trình MTQG cấp xã, phân công cán bộ công chức xã phụ trách OCOP, các hoạt động triển khai:

- Tuyên truyền sâu rộng, phát động nhân dân thi đua và đăng ký phát triển sản phẩm, phát triển SMEs, HTX.
- Phối hợp với OCOP huyện thực hiện các nội dung OCOP trên địa bàn, hướng dẫn, giải quyết, phúc đáp thắc mắc người dân, cộng đồng.
- Thực hiện quy hoạch và triển khai kế hoạch sử dụng đất hiệu quả đối với việc phát triển vùng, quy hoạch sản xuất sản phẩm tập trung.
- Triển khai nhanh chóng các thủ tục hỗ trợ của nhà nước đối với SMEs, HTX.

6. Các doanh nghiệp đối tác OCOP

- Sự tham gia của các doanh nghiệp (trong và ngoài tỉnh, trong và ngoài phạm vi của Chương trình) là rất quan trọng, đặc biệt trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đang diễn ra rầm rộ ; xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng; diễn biến dịch COVID-19 vẫn còn phức tạp. Sự tham gia này tạo nên một hệ sinh thái khởi nghiệp và hình thành nên các chuỗi giá trị giúp sản phẩm nông nghiệp, thủy sản, tiểu thủ công nghiệp nông thôn được khai thác triệt để và tăng thêm giá trị.

- Các doanh nghiệp thường tham gia chương trình OCOP với vai trò là các đối tác OCOP. Đó có thể là các nhà cung cấp nguyên vật liệu trong chuỗi sản xuất sản phẩm, có thể là các đối tác trong chuỗi cung ứng, phân phối sản phẩm hoặc cũng có thể các nhà cung cấp dịch vụ phát triển chủ thể kinh tế, phát triển sản phẩm, phát triển thị trường,...

7. Các chủ thể kinh tế OCOP (DN, HTX, THT, CCSX)

- Tìm kiếm, phát triển những sản phẩm tiềm năng của địa phương; quyết định lựa chọn và phát triển các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, lập kế hoạch phát triển, tập trung sản xuất, chế biến các sản phẩm có chất lượng tốt nhất theo đúng quy chuẩn đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Các chủ thể sản phẩm OCOP liên tục củng cố, phát triển, hoàn thiện sản phẩm, nhà xưởng, áp dụng công nghệ sản xuất chế biến sâu; đẩy mạnh quảng bá xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường; mở rộng vùng nguyên liệu, tăng cường đào tạo năng lực quảng lý, kỹ năng bán hàng; tập trung sản xuất, kiểm soát chất lượng, tuân thủ các tiêu chí của OCOP.

8. Các cơ sở đào tạo chuyên nghiệp, trung tâm dạy nghề

- Các cơ sở này có vai trò rất quan trọng trong việc đảm bảo một trong 3 nguyên tắc quan trọng của Chương trình OCOP đó là nguồn nhân lực.

- Các cơ sở này tham gia hoạt động đào tạo các cấp trình độ, cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng và phù hợp với các ngành nghề liên quan của chủ thể kinh tế, đặc biệt là các nội dung còn rất mới mẻ đối với khu vực nông thôn như: Quản trị kinh doanh, tiếp thị, bán hàng, quản trị chất lượng, nghiên cứu và phát triển sản phẩm,...

9. Tổ chức tư vấn và đối tác phối hợp thực hiện Chương trình

- Tổ chức tư vấn là đơn vị có đủ năng lực, kinh nghiệm đóng vai trò là nhà tư vấn toàn diện và xuyên suốt Chương trình OCOP Đắc Lắc. Tư vấn Ban chỉ đạo Chương trình MTQ xây dựng NTM các cấp đối với nhiệm vụ OCOP; tư vấn triển khai Chương trình OCOP các cấp (tỉnh, huyện, xã) bao gồm các nội dung chính: xây dựng kế hoạch, phương án, Dự án; tuyên truyền; tổ chức hội nghị/hội thảo; kết nối nguồn lực; đào tạo cán bộ OCOP các cấp; triển khai mẫu/mô hình điểm tại cộng đồng (hình thành, tái cơ cấu các HTX/DN, huy động nguồn lực cộng đồng, quản trị,...); đánh giá và phân hạng sản phẩm; xúc tiến thương mại; tư vấn xây dựng và triển khai các dự án thành phần của Chương trình;...

- Các đối tác phối hợp thực hiện Chương trình là các nhà cung cấp dịch vụ trực tiếp hoặc gián tiếp đối với cơ quan quản lý hoặc chủ thể kinh tế đảm bảo hoàn thiện sản phẩm đủ điều kiện chứng nhận đạt OCOP, các nội dung, như: chứng nhận các tiêu chuẩn vùng trồng (VietGap, GlobalGap, GACP, Organic,...), nhà xưởng (ISO, HACCP, GMP,...); thiết kế nhận diện thương hiệu, (bao bì, tem, nhãn,...), bộ công cụ truyền thông cho sản phẩm (Website, tờ rơi,...); cung cấp máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất, thu hoạch; máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ sơ chế, chế biến, đóng gói và bảo quản sản phẩm; xây dựng câu chuyện sản phẩm; bảo hộ nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý xuất xứ hàng hóa; in ấn, cung cấp bao bì, nhãn; kiểm nghiệm, phân tích các chỉ tiêu an toàn; xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc điện tử (mã vạch, mã QR Code hoặc hỗ trợ tem điện tử); xây dựng tiêu chuẩn sản phẩm, hồ sơ công bố chất lượng, hồ sơ lô trong hoạt động sản xuất.

Phần IV

KẾT QUẢ, TÁC ĐỘNG CỦA ĐỀ ÁN

I. HIỆU QUẢ KINH TẾ

- Thực hiện Đề án góp phần phát triển kinh tế trọng tâm là khu vực nông thôn, thúc đẩy phát triển sản xuất hàng hóa nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn theo hướng bài bản, có hệ thống, tạo ra giá trị trực tiếp, từ đó thu hẹp và cân bằng khoảng cách kinh tế giữa khu vực nông thôn và thành thị.

- Thúc đẩy ứng dụng công nghệ tiên tiến vào quá trình sản xuất và quản lý, tạo ra nhiều sản phẩm chất lượng, đem lại giá trị gia tăng cao.
- Tạo ra các chủ thể kinh tế OCOP, dưới dạng các HTX, SMEs, tổ hợp tác sản xuất, hộ gia đình đăng ký kinh doanh, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển HTX và quốc gia khởi nghiệp.
- Tạo ra luồng đầu tư của cộng đồng thông qua phát triển sản xuất và kinh doanh các sản phẩm OCOP.
- Đến năm 2025 huy động từ 50-60% nguồn lao động nông thôn tham gia hệ thống OCOP; sản phẩm từ nông nghiệp tiên tiến, thủy sản, du lịch, dịch vụ nông thôn đóng góp từ 65-70 % tổng sản phẩm hàng hóa của địa phương.

II. HIỆU QUẢ XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG

- Tạo ra nhiều việc làm trực tiếp, tại chỗ ở khu vực nông thôn, thu hút nguồn lao động có trình độ, từ đó cân bằng chất lượng lao động giữa nông thôn và thành thị.
- Tạo ra nhiều sản phẩm đặc trưng đậm nét văn hóa vùng, miền, qua đó góp phần bảo tồn, khôi phục và phát triển các giá trị văn hóa, truyền thống thông qua các sản phẩm truyền thống, khơi dậy niềm tự hào, tự tin, sáng tạo của người dân mỗi vùng quê, sản phẩm OCOP trên cơ sở bảo tồn và phát huy tri thức truyền thống.
- Tạo ra sự quây quần của khu vực nông thôn, thu hút lao động và nguồn vốn đầu tư về khu vực này (hạn chế dịch chuyển lao động nông thôn ra thành thị), góp phần xây dựng nông thôn mới bền vững, thu hẹp khoảng cách giữa đô thị và nông thôn.
- Việc gia tăng các chủ thể kinh tế, sản phẩm OCOP, giúp thu hút nguồn lực tại chỗ, lao động bên ngoài trở về địa phương làm việc, góp phần thay đổi hình ảnh, diện mạo vùng nông thôn, từ đó vấn đề an sinh xã hội được nâng cao từng bước hướng tới một xã hội đủ về vật chất, thỏa mãn về tinh thần, đẩy lùi các vấn đề tiêu cực của xã hội, an ninh, quốc phòng được đảm bảo.

III. GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ

1. Tổ chức giám sát, đánh giá

- Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk là đơn vị chịu trách nhiệm triển khai, phối hợp với các cơ quan, ban ngành có liên quan cấp tỉnh, huyện, xã trong việc giám sát, đánh giá quá trình triển khai thực hiện OCOP tại Đắk Lắk.
- Tham mưu cho Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, xây dựng nội dung, kế hoạch về việc tổ chức giám sát đánh giá thực hiện OCOP từ cấp tỉnh đến cấp xã.
- Công tác giám sát đánh giá thực hiện chặt chẽ, có hệ thống từ cấp tỉnh đến cơ sở. Ban chỉ đạo các CTMTQG huyện có trách nhiệm tổng kết và báo cáo kết

quả giám sát đánh giá định kỳ theo Quý hoặc bất kỳ kỳ lên Ban chỉ đạo các CTMTQG tỉnh mang tính chất kịp thời.

- Sau giai đoạn kết thúc của chương trình OCOP (2021-2025) và sau khi kết thúc các dự án thành phần/chủ lực, ngoài đánh giá thực hiện bởi cơ quan tổ chức thực hiện, một số đánh giá bên ngoài cũng cần được tiến hành nhằm có được những ý kiến khách quan, chuyên sâu, góp phần định hướng cho chu trình OCOP tiếp theo hoặc các giai đoạn tiếp theo của các dự án thuộc chương trình OCOP.

2. Nội dung giám sát, đánh giá

Một số nội dung giám sát, đánh giá hoạt động OCOP tập trung và các vấn đề chính sau:

- Giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện của Hệ thống OCOP cấp tỉnh, huyện, xã (thực hiện chu trình OCOP thường niên), tránh việc thực hiện lệch hướng theo quan điểm, nguyên tắc của Chương trình.

- Giám sát đánh giá việc duy trì, phát triển các sản phẩm OCOP đối với các chủ thể kinh tế OCOP, đảm bảo việc thực hiện đúng các tiêu chí của Chương trình, các quy định của nhà nước và yêu cầu của thị trường.

- Đánh giá hiệu quả và tác động của chương trình OCOP nhằm tổng kết các kết quả và khó khăn cản trở, dự báo các rủi ro cho các giai đoạn triển khai sau của dự án thành phần và chương trình OCOP.

3. Chỉ số giám sát, đánh giá

- Đối với tổ chức thực hiện OCOP: Căn cứ vào phần mô tả kết quả của từng hoạt động, hạng mục triển khai của Đề án để xác định các chỉ số cụ thể và mức độ hoàn thành.

- Đối với cán bộ triển khai OCOP cấp tỉnh, huyện, xã: Căn cứ các chỉ tiêu trong Bản mô tả công việc đối với từng vị trí để xác định mức độ hoàn thành công việc.

- Đối với các chủ thể kinh tế: Căn cứ vào các chỉ tiêu, quy định trong Bộ tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm được quy định tại Quyết định số 1048/QĐ-TTg ngày 20/8/2019 và Quyết định 781/QĐ-TTg ngày 08/6/2020, cơ quan được phân cấp quản lý đánh giá mức độ hoàn thiện của sản phẩm đáp ứng Chương trình, quy định nhà nước và yêu cầu thị trường.

- Đối với đánh giá bên ngoài: Căn cứ vào đề xuất cụ thể của các tổ chức, chuyên gia đánh giá cho từng dự án, lĩnh vực thuộc chương trình OCOP.

IV. Ý NGHĨA, TÁC ĐỘNG CỦA ĐỀ ÁN

- Việc triển khai thực hiện chương trình Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Đắk Lắk có ý nghĩa to lớn trong phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nói chung và khu vực nông thôn nói riêng, nhằm khai thác hiệu quả hơn tiềm năng, thế mạnh của mỗi địa phương, phát triển các sản phẩm có chất lượng theo đúng quy chuẩn, tăng khả năng cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước và hội nhập kinh tế quốc tế. Đồng thời làm thay đổi tập quán sản xuất cũ, khơi dậy và

phát huy tinh thần tự lực, tự tin, sáng tạo khởi nghiệp trong nhân dân, hướng người dân phát triển sản xuất định hướng kinh tế thị trường, thúc đẩy phát triển sản xuất khu vực nông thôn.

- Chương trình OCOP tỉnh Đắk Lắk giúp người dân nâng cao trình độ nhận thức, từng bước tiếp cận và ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào sản xuất, nắm bắt tốt thông tin thị trường từ đó quyết định lựa chọn và phát triển các sản phẩm đảm bảo chất lượng tốt nhất theo quy chuẩn để tăng lợi thế cạnh tranh đáp ứng nhu cầu của thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

- Triển khai, thực hiện Chương trình OCOP của tỉnh, các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh (doanh nghiệp, HTX, tổ hợp tác,...) được kiện toàn và phát triển để sản xuất các sản phẩm truyền thống, dịch vụ có lợi thế tại địa bàn các huyện, thành phố, thị xã và các xã, phường, thị trấn; hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, góp phần tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh theo hướng phát triển nội sinh, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, thực hiện hiệu quả nhóm tiêu chí “Kinh tế và hình thức tổ chức sản xuất” trong Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk; đồng thời tạo môi trường thu hút đầu tư từ các Doanh nghiệp vào lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản, tiểu thủ công nghiệp, du lịch,...

- Chương trình OCOP với các tác động mong đợi tới kinh tế và đời sống của vùng nông thôn tỉnh Đắk Lắk với nhiều ngành nghề, nhiều nhóm sản phẩm, nhiều đối tượng sản xuất kinh doanh tham gia sẽ tạo được làn sóng mới thúc đẩy kinh tế vùng, từ đó rút ngắn khoảng cách với các khu vực kinh tế phát triển hơn. Điều này có ý nghĩa lớn trong giải quyết vấn đề ly nông và ly hương để lại hệ lụy cho cả hai khu vực nông thôn và thành thị. Đây cũng là lời giải cho bài toán phát triển nông thôn nói riêng và phát triển bền vững nói chung.

Việc triển khai thực hiện Chương trình cũng góp phần triển khai các chủ trương xây dựng “Chính phủ kiến tạo và hành động”, “Quốc gia khởi nghiệp” của Chính phủ. Chương trình OCOP được thiết kế tổng thể với sự tham gia của cả hệ thống chính chính trị, chính quyền và các ban ngành của Tỉnh và cộng đồng dân cư nên có tác động tới xây dựng và củng cố mối quan hệ toàn dân trong phát triển từ đó đạt được các mục tiêu toàn diện về kinh tế, chính trị và ổn định xã hội./.

PHỤ LỤC
KHÁI TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN OCOP GIAI ĐOẠN 2021-2025
 (Kèm theo Quyết định số _____/QĐ-UBND ngày ____/7/2022 của UBND tỉnh)

TT	Hoạt động chính	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (Tr.đồng)	Thành tiền (Tr.đồng)	Nguồn vốn	
						NSNN	Huy động khác
	Tổng cộng				388.941,9	134.721,9	254.220,0
I	Các hoạt động triển khai Đề án				383.874,3	129.654,3	254.220,0
1	Khởi động đề án				2.242,4	2.242,4	-
1.1.	Hội nghị OCOP giai đoạn 2021-2025	Hội nghị	4,0		664,4	664,4	-
1.2	Hội nghị chuyên đề OCOP các cấp	Hội nghị	15,0	-	1.578,0	1.578,0	-
2	Hoàn thiện hệ thống tổ chức OCOP			-	27.109,4	9.859,4	17.250,0
2.1	Rà soát, kiện toàn hệ thống tổ chức vận hành các cấp		-	-		-	
2.2	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu/phần mềm quản lý chương trình	Hệ thống	1,0	600,0	600,0	600,0	
2.3	Xây dựng chính sách áp dụng triển khai Chương trình OCOP Đắc Lắc giai đoạn 2021-2025	Hoạt động	1,0	-		-	
2.4	Hình thành mạng lưới đối tác OCOP và kết nối nguồn lực			-	2.249,4	749,4	1.500,0
2.4.1	Tổ chức Hội nghị đối tác OCOP thường niên	Hội nghị	4,0	-	749,4	749,4	-
2.4.2	Vận hành mạng lưới đối tác OCOP	Hệ thống	1,0	1.500,0	1.500,0	-	1.500,0
2.5	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực thực hiện OCOP			-	24.260,0	8.510,0	15.750,0
2.5.1	Tập huấn xây dựng, triển khai kế hoạch kinh doanh			-	7.900,0	2.650,0	5.250,0
	<i>Cấp tỉnh</i>	<i>Lớp</i>	<i>4,0</i>	<i>100,0</i>	<i>400,0</i>	<i>400,0</i>	
	<i>Cấp huyện</i>	<i>Lớp</i>	<i>60,0</i>	<i>125,0</i>	<i>7.500,0</i>	<i>2.250,0</i>	<i>5.250,0</i>
2.5.2	Tập huấn phát triển sản phẩm			-	7.900,0	2.650,0	5.250,0
	<i>Cấp tỉnh</i>	<i>Lớp</i>	<i>4,0</i>	<i>100,0</i>	<i>400,0</i>	<i>400,0</i>	
	<i>Cấp huyện</i>	<i>Lớp</i>	<i>60,0</i>	<i>125,0</i>	<i>7.500,0</i>	<i>2.250,0</i>	<i>5.250,0</i>
2.5.3	Tập huấn kỹ năng bán hàng (phân phối, xúc tiến thương mại,...)			-	7.900,0	2.650,0	5.250,0
	<i>Cấp tỉnh</i>	<i>Lớp</i>	<i>4,0</i>	<i>100,0</i>	<i>400,0</i>	<i>400,0</i>	
	<i>Cấp huyện</i>	<i>Lớp</i>	<i>60,0</i>	<i>125,0</i>	<i>7.500,0</i>	<i>2.250,0</i>	<i>5.250,0</i>
2.5.4	Tập huấn cho cán bộ quản lý, điều hành Chương trình OCOP (tại cấp tỉnh)	Lớp	4,0	40,0	160,0	160,0	
2.5.5	Đào tạo giám đốc điều hành chủ thể kinh tế (CEO)	Khóa học	2,0	200,0	400,0	400,0	

TT	Hoạt động chính	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (Tr.đồng)	Thành tiền (Tr.đồng)	Nguồn vốn	
						NSNN	Huy động khác
3	Tuân thủ, duy trì chu trình OCOP thường niên			-	40.710,0	24.090,0	16.620,0
3.1	Tuyên truyền			-	2.311,4	2.311,4	-
3.1.1	Hội nghị cấp tỉnh	Cuộc	4,0	-	550,4	550,4	-
3.1.2	Hội nghị cấp huyện	Cuộc	15,0	-	1.761,0	1.761,0	-
3.2	Tổ chức nhận đăng ký ý tưởng sản phẩm	Sản phẩm	200,0	-	2.439,7	1.532,2	907,5
3.3	Nhận phương án, dự án sản xuất kinh doanh	Sản phẩm	200,0	-	3.740,7	1.873,2	1.867,5
3.4	Triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh			-	12.233,0	3.833,0	8.400,0
3.4.1	Hỗ trợ cộng đồng phát triển sản phẩm mới và/hoặc nâng cấp sản phẩm cũ	Sản phẩm	200,0	-	9.000,0	1.800,0	7.200,0
3.4.2	Tư vấn phát triển sản phẩm	Sản phẩm	200,0	-	2.033,0	2.033,0	-
3.4.3	Hoàn thiện Hồ sơ sản phẩm OCOP	Sản phẩm	200,0	-	1.200,0	-	1.200,0
3.5	Đánh giá, phân hạng sản phẩm			-	8.235,2	8.235,2	-
3.5.1	Cấp huyện	Cuộc	120,0	-	3.044,4	3.044,4	-
3.5.2	Cấp tỉnh	Cuộc	8,0	-	5.190,8	5.190,8	-
3.6	Xúc tiến thương mại			-	11.750,0	6.305,0	5.445,0
3.6.1	Quảng bá sản phẩm (Video Clip, tin/bài báo điện tử; phát thanh, truyền hình; ấn phẩm,...)	Năm	4,0	900,0	3.600,0	3.600,0	
3.6.2	Thương mại điện tử			-	1.400,0	680,0	720,0
a	Tập huấn bán hàng	Lớp	4,0	50,0	200,0	200,0	
b	Xây dựng Website bán hàng	Websie	30,0	40,0	1.200,0	480,0	720,0
3.6.3	Tổ chức, tham gia các sự kiện, hội chợ, triển lãm			-	6.750,0	2.025,0	4.725,0
a	Hội chợ thường niên	Sự kiện	5,0	1.000,0	5.000,0	1.500,0	3.500,0
b	Sự kiện quảng bá ngoài tỉnh	Sự kiện	3,0	250,0	750,0	225,0	525,0
c	Sự kiện kết nối đối tác OCOP, xúc tiến thương mại	Sự kiện	2,0	500,0	1.000,0	300,0	700,0
4	Củng cố, phát triển các tổ chức kinh tế OCOP			-	32.160,0	4.760,0	27.400,0
4.1	Hình thành mới hoặc tái cấu trúc bộ máy tổ chức vận hành của chủ thể kinh tế	Chủ thể	20,0	300,0	6.000,0	1.800,0	4.200,0
4.2	Nâng cao năng lực quản trị (sản xuất, tài chính,...), bán hàng, quảng bá, xúc tiến thương mại.	Chủ thể	50,0	20,0	1.000,0	300,0	700,0
4.3	Đầu tư, củng cố cơ sở hạ tầng, thiết bị máy móc tăng hiệu quả sản xuất, kinh doanh.	Chủ thể	25,0	1.000,0	25.000,0	2.500,0	22.500,0
4.4	Thiết lập, duy trì hệ thống hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ tiêu chí của chương trình OCOP	Lượt	8,0	20,0	160,0	160,0	
5	Củng cố, phát triển sản phẩm			-	42.950,0	17.400,0	25.550,0
5.1	Sản phẩm giai đoạn 2018-2020	Sản phẩm	35,0	-	4.700,0	2.000,0	2.700,0

TT	Hoạt động chính	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (Tr.đồng)	Thành tiền (Tr.đồng)	Nguồn vốn	
						NSNN	Huy động khác
5.2	Sản phẩm giai đoạn 2021-2025	Sản phẩm	200,0	-	38.250,0	15.400,0	22.850,0
-	Hỗ trợ thuê tư vấn đánh giá và chứng nhận tiêu chuẩn: VietGap, Organic, GMP, HACCP,...	Chứng nhận	15,0	250,0	3.750,0	1.500,0	2.250,0
-	Hỗ trợ thiết kế nhận diện thương hiệu, (bao bì, tem, nhãn,...), bộ công cụ truyền thông cho sản phẩm (Website, tờ rơi,...)	Sản phẩm	200,0	30,0	6.000,0	1.800,0	4.200,0
-	Hỗ trợ mua máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất, thu hoạch; máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ sơ chế, chế biến, đóng gói và bảo quản sản phẩm	Cơ sở	30,0	300,0	9.000,0	2.700,0	6.300,0
-	Xây dựng câu chuyện sản phẩm	Sản phẩm	200,0	5,0	1.000,0	300,0	700,0
-	Hỗ trợ chi phí bảo hộ nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý xuất xứ hàng hóa	Sản phẩm	50,0	50,0	2.500,0	2.500,0	
-	Hỗ trợ in ấn bao bì, nhãn	Sản phẩm	200,0	30,0	6.000,0	1.800,0	4.200,0
-	Hỗ trợ kiểm nghiệm, phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm	Sản phẩm	200,0	10,0	2.000,0	2.000,0	
-	Hỗ trợ hệ thống truy xuất nguồn gốc điện tử (mã vạch, mã QR Code hoặc hỗ trợ tem điện tử)	Sản phẩm	200,0	10,0	2.000,0	1.000,0	1.000,0
-	Xây dựng tiêu chuẩn sản phẩm	Sản phẩm	200,0	10,0	2.000,0	600,0	1.400,0
-	Xây dựng hồ sơ công bố chất lượng	Sản phẩm	200,0	10,0	2.000,0	600,0	1.400,0
-	Xây dựng và áp dụng hồ sơ lô trong hoạt động sản xuất	Sản phẩm	200,0	10,0	2.000,0	600,0	1.400,0
6	Phát triển thương hiệu OCOP			-	6.700,0	2.800,0	3.900,0
6.1	Quảng bá, tiếp thị	Dự án	1,0	3.000,0	3.000,0	900,0	2.100,0
6.2	Chất lượng sản phẩm	Dự án	1,0	3.000,0	3.000,0	1.200,0	1.800,0
6.3	Chuẩn hóa quy trình, nghiệp vụ bán hàng	Hoạt động	2,0	-	700,0	700,0	-
7	Triển khai các nhiệm vụ, Dự án thành phần			-	230.000,0	66.500,0	163.500,0
7.1	Nhiệm vụ, dự án cấp tỉnh			-	158.000,0	44.900,0	113.100,0
7.1.1	Lĩnh vực liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm				70.000,0	21.000,0	49.000,0
-	Dự án nâng cao năng lực sản xuất đáp ứng trực sản phẩm OCOP Quốc gia.	Dự án	5,0	5.000,0	25.000,0	7.500,0	17.500,0
-	Dự án nâng cao năng lực sản xuất đáp ứng trực sản phẩm OCOP cấp tỉnh và cộng đồng.	Dự án	15,0	3.000,0	45.000,0	13.500,0	31.500,0
7.1.2	Lĩnh vực khoa học công nghệ, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo				2.600,0	2.600,0	-
-	Dự án thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng OCOP	Dự án	1,0	1.000,0	1.000,0	1.000,0	
-	Dự án chuyển đổi số trong quản lý sản phẩm OCOP				1.600,0	1.600,0	-

TT	Hoạt động chính	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (Tr.đồng)	Thành tiền (Tr.đồng)	Nguồn vốn	
						NSNN	Huy động khác
+	<i>Tiểu dự án 1: Xây dựng phần mềm đánh giá, phân hạng sản phẩm</i>	Dự án	1,0	600,0	600,0	600,0	
+	<i>Tiểu dự án 2: Xây dựng hệ thống quản lý không gian OCOP các cấp (Webs – GIS)</i>	Dự án	1,0	1.000,0	1.000,0	1.000,0	
7.1.3	Lĩnh vực Dịch vụ, du lịch nông thôn				74.400,0	17.400,0	57.000,0
-	Dự án xây dựng trung tâm, điểm giới thiệu và bán sản phẩm	Dự án	1,0		59.400,0	13.380,0	46.500,0
+	<i>Xây dựng trung tâm OCOP cấp tỉnh/vùng</i>	Trung tâm	1,0	5.000,0	5.000,0	300,0	4.700,0
+	<i>Xây dựng trung tâm OCOP cấp huyện</i>	Trung tâm	15,0	1.000,0	15.000,0	1.500,0	13.500,0
+	<i>Điểm trưng bày, giới thiệu sản phẩm OCOP tại 03 thành phố lớn</i>	Điểm	24,0	300,0	7.200,0	1.440,0	5.760,0
+	<i>Xây dựng điểm (cửa hàng) trưng bày giới thiệu và bán sản phẩm trong tỉnh</i>	Điểm	161,0	200,0	32.200,0	9.660,0	22.540,0
-	Dự án phát triển sản phẩm OCOP "du lịch cộng đồng"	Dự án	5,0	3.000,0	15.000,0	4.500,0	10.500,0
7.1.4	Lĩnh vực đảm bảo chất lượng và truy xuất nguồn gốc				8.000,0	2.400,0	5.600,0
-	Dự án quản lý mã số vùng trồng các sản phẩm hàng hóa nông sản	Dự án	1,0	3.000,0	3.000,0	900,0	2.100,0
-	Dự án triển khai chứng nhận các tiêu chuẩn đáp ứng thị trường đích	Dự án	1,0	5.000,0	5.000,0	1.500,0	3.500,0
7.1.5	Lĩnh vực bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ				3.000,0	1.500,0	1.500,0
	Dự án xây dựng, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm đặc trưng, chủ lực có tiềm năng xuất khẩu, có sử dụng tên địa danh và chỉ dẫn địa lý	Dự án	1,0	3.000,0	3.000,0	1.500,0	1.500,0
7.2	Nhiệm vụ, dự án cấp huyện	Dự án	24,0	3.000,0	72.000,0	21.600,0	50.400,0
8	Giám sát đánh giá OCOP	Năm	4,0	-	2.002,5	2.002,5	-
9	Hội nghị tổng kết hàng năm và giai đoạn (tại tỉnh, huyện)			-	2.867,6	2.867,6	-
9.1	Hội nghị cấp tỉnh	Hội nghị	4,0	-	318,0	318,0	
9.2	Hội nghị cấp huyện	Hội nghị	60,0	-	2.549,6	2.549,6	
II	Chi phí quản lý chung	Năm	4,0	-	2.200,0	2.200,0	-
1	Chi phí tham gia các lớp tập huấn, hội nghị, hội thảo tỉnh, trung ương tổ chức,...			-	1.600,0	1.600,0	
1.1	<i>Cấp tỉnh</i>	<i>Năm</i>	<i>4,0</i>	<i>100,0</i>	<i>400,0</i>	<i>400,0</i>	
1.2	<i>Cấp huyện</i>	<i>Năm</i>	<i>60,0</i>	<i>20,0</i>	<i>1.200,0</i>	<i>1.200,0</i>	
2	Chi phí học tập kinh nghiệm	Năm	4,0	150,0	600,0	600,0	

KHUNG KẾ HOẠCH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN
(Kèm theo Quyết định số _____/QĐ-UBND ngày ____/7/2022 của UBND tỉnh)

TT	Hoạt động chính	Mục tiêu	Thời gian (năm)				NTM	NN&PTNT	Cơng thư ơng		KH&CN	VH-TT-DL	LĐTBXH	Sở TTTT	Huyện, TP, TX	Cộng đồng
			2022	2023	2024	2025			XTTM	KC						
I	Các hoạt động triển khai Đề án															
1	Khởi động Đề án															
1.1.	Hội nghị OCOP giai đoạn 2021-2025	Tổ chức 01 Hội nghị khởi động Đề án	x	x	x	x	x									
1.2	Hội nghị chuyển từ OCOP cấp cơ sở	Tổ chức 15 Hội nghị /015 huyện, TP, TX hằng năm * 4 năm	x	x	x	x									x	
2	Hỗ trợ hệ thống tổ chức OCOP															
2.1	Řết sổ, kiện tồn hệ thống tổ chức và n hnh cấ p	Ban hnh quy trình hoạt động quản lý OCOP cấp tỉ nh ể n ấ	x													
2.2	Xy dựng hệ thống cơ sở dữ liệu/phần mềm quản lý chương trình	Hệ thống phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu, nh gĩ, pñn hạ ng sả n phẩm OCOP		x			x									
2.3	Xy dựng chính sách p dụ ng triển khai Chương trình OCOP Đ ấ k Lắ k giai đoạn 2021-2025	Chính sách chương trình MTQG XD NTM từ OCOP	x													
2.4	Hình tnh mạ ng lư ớ i ố i ấ OCOP và kế t nố i nguồ n lự c						x									x
2.4.1	Tổ chức Hội nghị ố i ấ OCOP thư ờng nĩn	Tổ chức ít nhất 05 sự kiện (Hội nghị ố i ấ) mỗi năm 01 lần.	x	x	x	x	x									
2.4.2	Vận hành mạ ng lư ớ i ố i ấ OCOP	Mạ ng lư ớ i ố i ấ OCOP ư ợ c hình tnh, duy trì, vận hnh.		x	x	x										x
2.5	Đ ỏ tạ o, tập huấ n ãng lực thực hiện OCOP						x						x		x	x

[illegible]

TT	Hoạt động chính	Mục tiêu	Thời gian (năm)				NTM	NN&PTNT	Công thương		KH&CN	VH-TT-DL	LĐTBXH	Sở TTTT	Huyện, TP, TX	Cộng đồng
			2022	2023	2024	2025			XTTM	KC						
3.4.3	Hỗ trợ phát triển OCOP	Hỗ trợ phát triển OCOP cấp tỉnh từ 3 sao trở lên					-									x
3.5	Đánh giá, phân loại sản phẩm		x	x	x	x	x								x	
3.5.1	Cấp huyện	Phân loại sản phẩm cấp tỉnh từ 3 sao tham gia đánh giá cấp tỉnh					-								x	
3.5.2	Cấp tỉnh	Cấp sản phẩm cấp tỉnh từ 3 sao trở lên được công nhận OCOP cấp tỉnh hoặc Quốc gia					x									
3.6	Xếp loại thương mại		x	x	x	x	x		x			x		x		x
3.6.1	Quảng bá sản phẩm (Video Clip, tin/bài báo, internet; phát thanh, truyền hình; ấn phẩm, ...)	Sản phẩm cấp tỉnh từ 3 sao ưu tiên tham gia hoạt động quảng bá					x		x			x		x		
3.6.2	Thương mại điện tử	Tiếp cận thị trường bằng công nghệ 4.0					x		x			x				x
3.6.3	Tổ chức, tham gia các sự kiện, hội chợ, triển lãm	Tổ chức các sự kiện OCOP					x		x							x
4	Củng cố, phát triển các tổ chức kinh tế OCOP															
4.1	Hình thành mới hoặc tái cấu trúc bộ máy tổ chức và hình thức chủ thể kinh tế	Chủ thể OCOP phát triển bền vững từ các hoạt động hỗ trợ của Chương trình	x	x	x	x	x	x								x
4.2	Nâng cao năng lực quản trị (sản xuất, tài chính,...), bền vững, quảng bá, xếp loại thương mại.	Chủ thể kinh tế và hình thức hoạt động sản xuất, thương mại	x	x	x	x		x	x							x
4.3	Đầu tư, củng cố cơ sở hạ tầng, thiết bị máy móc tài chính, hiệu quả sản xuất, kinh doanh.	Ít nhất 50 chủ thể kinh tế được hỗ trợ trang bị/củng cố hạ tầng, thiết bị.	x	x	x	x		x		x	x					x

TT	Hoạt động chính	Mục tiêu	Thời gian (năm)				NTM	NN&PTNT	Cơng thư ơng		KH&CN	VH-TT-DL	LĐTBXH	SốTTTT	Huyện, TP, TX	Cộng đồng
			2022	2023	2024	2025			XTTM	KC						
4.4	Thiết lập, duy trì hệ thống lưu trữ dẫn, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ tiêu chí của chương trình OCOP	Hệ thống kiểm tra, giám sát ược xây dựng, vận hành	x	x	x	x	x	x								
5	Củng cố, phát triển sản phẩm															
5.1	Sản phẩm giai đoạn 2018-2020	Phân loại sản phẩm, xác định các sản phẩm tiềm năng trở thành sản phẩm hàng hóa quy mô lớn, tiếp thị trực tiếp xuất khẩu.	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
5.2	Sản phẩm giai đoạn 2021-2025															
-	Hỗ trợ thủ tục văn phòng ghi nhận chứng nhận tiêu chuẩn: VietGap, Organic, GMP, HACCP,...	15 chứng nhận	x	x	x	x		x								x
-	Hỗ trợ thiết kế nhận diện thương hiệu, (bao bì, tem, nhãn,...), bộ công cụ truyền thông cho sản phẩm (Website, tờ rơi,...)	200 Sản phẩm	x	x	x	x									x	
-	Hỗ trợ mua máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất, thu hoạch; máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ sơ chế, chế biến, đóng gói bảo quản sản phẩm	30 cơ sở	x	x	x	x				x						x
-	Xây dựng cầu chuyển sản phẩm	200 Sản phẩm	x	x	x	x									x	
-	Hỗ trợ chi phí bảo vệ môi trường, chỉ dẫn địa lý xuất xứ hàng hóa	50 sản phẩm	x	x	x	x					x					

TT	Hoạt động chính	Mục tiêu	Thời gian (năm)				NTM	NN&PTNT	Cơng thư ơng		KH&CN	VH-TT-DL	LĐTBXH	Số TTTT	Huyện, TP, TX	Cộng đồng
			2022	2023	2024	2025			XTTM	KC						
-	Hỗ trợ in ấn bao bì, nhãn	200 Sản phẩm	x	x	x	x									x	
-	Hỗ trợ kiểm nghiệm, phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm	200 Sản phẩm	x	x	x	x		x								
-	Hỗ trợ hệ thống truy xuất nguồn gốc điện tử (mã vạch, mã QR Code hoặc hỗ trợ tem điện tử)	200 Sản phẩm	x	x	x	x					x					x
-	Xây dựng tiêu chuẩn sản phẩm	200 Sản phẩm	x	x	x	x									x	
-	Xây dựng hồ sơ công bố chất lượng	200 Sản phẩm	x	x	x	x									x	
-	Xây dựng ứng dụng hồ sơ lưu trong hoạt động sản xuất	200 Sản phẩm													x	
6	Phát triển thương hiệu OCOP															
6.1	Quản lý, tiếp thị	Triển khai 01 Dự án quản lý, tiếp thị sản phẩm kết hợp giữ a thương mại điện tử và bán hàng tại chỗ	x	x	x	x	x		x							x
6.2	Chất lượng sản phẩm	Triển khai 01 Dự án quản lý chất lượng sản phẩm, 100% các sản phẩm tham gia OCOP đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.	x	x	x	x		x								x
6.3	Chuẩn hóa quy trình, nghiệp vụ bán hàng	Xây dựng 01 bộ quy trình, văn hóa giới thiệu và bán hàng; tập huấn nâng cao năng lực đội ngũ bán hàng	x	x	x	x			x							
7	Triển khai các nhiệm vụ, Dự án tỉnh phía n															
7.1	Nhiệm vụ, dự án cấp tỉnh															
7.1.1	Lĩnh vực liên kết sản xuất vật liệu sản phẩm															

TT	Hoạt động chính	Mục tiêu	Thời gian (năm)				NTM	NN&PTNT	Cơng thư ơng		KH&CN	VH-TT-DL	LĐTBXH	SốTTTT	Huyện, TP, TX	Cộng đồng
			2022	2023	2024	2025			XTTM	KC						
-	Dự án nâng cao năng lực sản xuất tiếp thị trực tiếp sản phẩm OCOP Quốc gia.	Hình thành 05 chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm đối với 05 sản phẩm chủ lực của tỉnh, ít nhất 5 chủ thể kinh tế cơ sở sản phẩm OCOP tham gia thị trường xuất khẩu.		x	x	x	x									x
-	Dự án nâng cao năng lực sản xuất tiếp thị trực tiếp sản phẩm OCOP cấp tỉnh về cộng đồng.	Củng cố, tái cơ cấu ít nhất 15 tổ chức kinh tế cộng đồng (Hợp tác xã) trên địa bàn tỉnh (mỗi huyện/thị xã/thị trấn phố 01 Hợp tác xã), làm mô hình kiến tạo mẫu, trình diễn nhằm nhân rộng tạo ra mô hình địa phương tồn tại.	x	x	x	x	x									x
7.1.2	Lĩnh vực khoa học công nghệ, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo															
-	Dự án thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng OCOP	Hình thành 01 trung tâm nghiên cứu ứng dụng OCOP, cơ chế nâng cao tạo ra, nghiên cứu ứng dụng chuyển giao trong hoạt động hỗn hợp, phát triển sản phẩm OCOP		x	x	x					x					
-	Dự án chuyển đổi số trong quản lý sản phẩm OCOP						x				x					
+	Tiêu đề dự án 1: Thí điểm mô hình dự án công nghệ số trong sản xuất và kinh doanh sản phẩm OCOP	Thực hiện 01 mô hình điểm mô hình cho đổi mới tư duy sáng tạo sản xuất và kinh doanh sản phẩm OCOP.		x			x									
+	Tiêu đề dự án 2: Xây dựng hệ thống quản lý không gian OCOP các cấp (Webs – GIS)	Số hóa toàn bộ dữ liệu OCOP (điểm, ưu đãi, vng, thông tin hiện trạng, ...) về xây dựng bản đồ số OCOP phục vụ quản lý và truy xuất nguồn gốc, ...		x	x		x									
7.1.3	Lĩnh vực Dịch vụ, du lịch nông thôn															

TT	Hoạt động chính	Mục tiêu	Thời gian (năm)				NTM	NN&PTNT	Cơng thư ơng		KH&CN	VH-TT-DL	LĐTBXH	Số TTTT	Huyện, TP, TX	Cộng đồng
			2022	2023	2024	2025			XTTM	KC						
-	Dự án xây dựng trung tâm, điểm giới thiệu về sản phẩm									x					x	x
+	Xây dựng trung tâm OCOP cấp tỉnh/nh	01 Trung tâm			x	x				x						x
+	Xây dựng trung tâm OCOP cấp huyện	15 Trung tâm		x	x	x									x	x
+	Điểm trưng bày, giới thiệu sản phẩm OCOP tại 03 tỉnh phố lớn	24 Điểm		x	x	x				x						x
+	Xây dựng điểm (cửa hàng) trưng bày giới thiệu về sản phẩm trong tỉnh	161 Điểm		x	x	x				x					x	x
-	Dự án phát triển sản phẩm OCOP "du lịch cộng đồng"	Triển khai 05 mô hình tại 04 ít nhất từ 3-5 sản phẩm du lịch cộng đồng đạt tiêu chuẩn OCOP từ 3 sao trở lên		x	x	x	x					x				x
7.1.4	Lĩnh vực bảo vệ chất lượng và truy xuất nguồn gốc															
-	Dự án quản lý mã số vùng trồng các sản phẩm hàng hóa nông sản	Đến năm 2025, Cục bảo vệ thực vật cấp mã số vùng trồng diện tích đạt 1.000 ha, ít nhất 05 cơ sở đăng ký thực hiện xử lý.		x	x	x		x								x
-	Dự án triển khai chứng nhận các tiêu chuẩn nhập thị trường	Đến năm 2025, số diện tích cơ sở chuẩn đối với thực sản phẩm Quốc gia đạt 30%; đối với sản phẩm thực phẩm tiểu vùng cộng đồng đạt 50%.		x	x	x		x								x
7.1.5	Lĩnh vực bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ															

